ĐẶC SAN

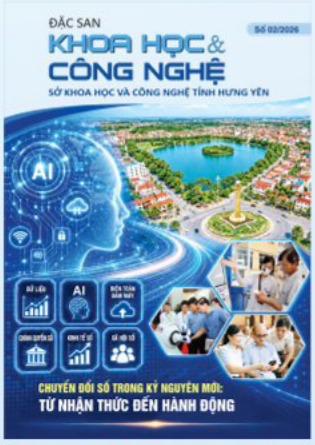
Số 02/2026

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH HƯNG YÊN



CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI: TỪ NHẬN THỨC ĐẾN HÀNH ĐỘNG



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH HƯNG YÊN
Địa chỉ: Số 17, đường An Vũ,
phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
Website: https://sokhcn.hungyen.gov.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
ThS. Thái Thị Thu Hường
Trưởng Ban Biên tập
Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG
ThS. Nguyễn Thị Hồng Thái
Phó Trưởng Ban Thường trực BBT
PGĐ Sở Khoa học và Công nghệ

THƯ KÝ
CN. Trần Thị Minh Huệ

BAN BIÊN TẬP
ThS. Nguyễn Anh Tuấn
KS. Bùi Thị Hằng
KS. Lê Thị Ngọc Hiền
CN. Bùi Thị Huế

TRÌNH BÀY
Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số
ĐC: Tòa nhà liên cơ quan, số 13, đường An Vũ,
phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 02213.516.668
Mail: trungtamdmst.hy@gmail.com

Giấy phép xuất bản số: 734/GP-XBĐS
do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 17/03/2026
Số lượng in: 1.700 bản/số, 64 trang, khổ 20,5 x 29,5cm
xuất bản 04 số/năm

Chế bản, in, gia công sau in tại: Công ty TNHH In Thành Trung
Số 49, Phố Trần Phú, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên
Đt: 0227.3835.987 - DĐ: 0912 404 182

Mục lục

Trang

TIÊU ĐIỂM

1. Chuyển đổi số trong kỷ nguyên mới: Từ nhận thức đến hành động 1
2. Hướng tới mặt trận số: Hành trình kiến tạo hệ sinh thái số phục vụ nhân dân ở Hưng Yên 2
3. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Tháo gỡ điểm nghẽn cố hữu từ thực thi thể chế 6
4. Thanh tra tỉnh Hưng Yên đẩy mạnh chuyển đổi số, hướng tới xây dựng "Cơ quan Thanh tra số" hiện đại 10
5. Giải thưởng Lê Quý Đôn: Khi trí tuệ trở thành động lực phát triển 14
6. Hưng Yên đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, tạo động lực phát triển giai đoạn 2026-2030 18

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ CUỘC SỐNG

1. Thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo thực chất hiệu quả - Định hướng hành động nào cho địa phương? 24
2. Giải pháp phát triển năng lực đổi mới sáng tạo cho đội ngũ giảng viên Trường Đại học Thái Bình 27
3. Khoa học và công nghệ: Động lực mới trong hành trình phát triển Hưng Yên 32
4. Chuyển đổi số tại Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình: Hành trình từ nhận thức đến hành động 34
5. Từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến hành động của người cán bộ khoa học, công nghệ trong thời đại mới 38
6. Trường Đại học Thái Bình: Từ chuyển đổi số đến đổi mới dạy và học 41
7. Đưa khoa học, công nghệ và dữ liệu số vào phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động lừa đảo trong tình hình mới 45
8. Chế phẩm sinh học mở lối cho nuôi trồng thủy sản xanh ở Hưng Yên 48
9. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong trường học: Không chạy theo phong trào, hướng đến hiệu quả thực chất 51

KẾT NỐI VÀ LAN TỎA

1. Hưng Yên triển khai sâu rộng 3 trụ cột chuyển đổi số 56
2. Từ một chiếc điện thoại, mở ra những cánh cửa số 59

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI: TỪ NHẬN THỨC ĐẾN HÀNH ĐỘNG

Kính thưa quý bạn đọc!

Trong kỷ nguyên phát triển mới, chuyển đổi số không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là động lực quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội. Đối với Hưng Yên, chuyển đổi số đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy, phương thức quản lý và tổ chức thực hiện, trong đó khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giữ vai trò quan trọng trong tạo lập những động lực phát triển mới.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, ngành Khoa học và Công nghệ Hưng Yên tiếp tục phát huy vai trò tham mưu, kết nối và thúc đẩy ứng dụng công nghệ, phát triển các nền tảng số, khai thác hiệu quả dữ liệu và nâng cao năng lực số trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Điều quan trọng là chuyển đổi số phải đi vào thực chất, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, lấy hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp làm thước đo.

Với chủ đề "Chuyển đổi số trong kỷ nguyên mới: Từ nhận thức đến hành động", Đặc san Khoa học và Công nghệ Hưng Yên số 02 giới thiệu tới bạn đọc những góc nhìn, định hướng và kinh nghiệm triển khai chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống. Qua hơn 10 bài viết, Đặc san tập trung phản ánh những vấn đề đặt ra trong quá trình chuyển đổi số; vai trò của thể chế, hạ tầng, dữ liệu và nguồn nhân lực; đồng thời giới thiệu các giải pháp, mô hình và cách làm thiết thực, góp phần đưa công nghệ số vào thực tiễn.

Ban Biên tập mong muốn mỗi bài viết không chỉ cung cấp thông tin mà còn gợi mở tư duy, lan tỏa kinh nghiệm và thúc đẩy tinh thần chủ động đổi mới. Bởi chuyển đổi số chỉ thực sự thành công khi nhận thức được chuyển hóa thành hành động cụ thể, sự quyết tâm được hiện thực hóa bằng kết quả và những giá trị mới được tạo ra cho cộng đồng.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Ban Biên tập

HƯỚNG TỚI MẶT TRẬN SỐ: HÀNH TRÌNH KIẾN TẠO HỆ SINH THÁI SỐ PHỤC VỤ NHÂN DÂN Ở HƯNG YÊN

Tác giả: Ngô Thị Kim Hoàn
Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ,
PCT Thường trực Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh

Trong bối cảnh Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng cho phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Hưng Yên đã chủ động đổi mới tư duy, từng bước xây dựng các nền tảng số, hình thành môi trường làm việc số và thúc đẩy năng lực số trong đội ngũ cán bộ.

Đồng chí Ngô Thị Kim Hoàn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Hưng Yên khẳng định:
"Chuyển đổi số không phải là mục tiêu cuối cùng, mà là phương thức để Mặt trận thực hiện tốt hơn sứ mệnh của mình trong giai đoạn mới. Giá trị cốt lõi là đổi mới cách thức kết nối, lắng nghe và phục vụ Nhân dân hiệu quả hơn. Công nghệ có thể làm thay đổi phương thức hoạt động, nhưng không làm thay đổi sứ mệnh của Mặt trận. Vì vậy, mỗi bước tiến trong chuyển đổi số không được đo bằng số lượng phần mềm hay nền tảng được triển khai, mà phải được đo bằng mức độ người dân được phục vụ tốt hơn, được tham gia nhiều hơn và được thụ hưởng nhiều hơn từ những thành quả của chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo".

Chuyển đổi số - yêu cầu từ thực tiễn đổi mới mô hình quản trị

Sau khi sáp nhập tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, trong đó có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngày càng rõ nét

Khi không còn cấp huyện, địa bàn quản lý rộng hơn, quy mô dân số lớn hơn, yêu cầu nắm bắt tình hình Nhân dân nhanh hơn, chính xác hơn; việc triển khai các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, công tác giám sát, phản biện xã hội, tổng hợp tình hình cơ sở và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân đòi hỏi phải có phương thức hoạt động mới, hiện đại hơn.

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã tạo thêm động lực để hệ thống Mặt trận đổi mới phương thức hoạt động. Tại Hưng Yên, chuyển đổi số được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với xây dựng hệ sinh thái "Mặt trận số", lấy Nhân dân làm trung tâm và hiệu quả phục vụ làm thước đo.

Từ đổi mới tư duy đến đổi mới phương thức hoạt động

Điểm nổi bật trong quá trình triển khai chuyển đổi số của MTTQ tỉnh Hưng Yên là xuất phát từ nhu cầu thực tiễn



Các "Tổ công nghệ số cộng đồng" giúp cán bộ cơ sở thực hành ngay trên ứng dụng, thiết bị, công việc cụ thể

của công tác Mặt trận, từng bước chuyển từ hỗ trợ hành chính sang quản trị dựa trên dữ liệu. 100% văn bản trao đổi nội bộ cấp tỉnh được thực hiện trên phần mềm điều hành tác nghiệp MTTQ và sử dụng chữ ký số; hệ thống điều hành tác nghiệp được triển khai đồng bộ tại 104 xã, phường; nhiều cuộc họp không sử dụng tài liệu giấy mà thực hiện quét mã QR để tiếp cận tài liệu điện tử. Nhiều cuộc họp, hội nghị trực tiếp giữa MTTQ xã, phường với tỉnh dần được thay thế bằng các cuộc họp trực tuyến. Những thay đổi đó góp phần hình thành môi trường làm việc số, tiết kiệm chi phí hành chính, nâng cao hiệu quả xử lý công việc và tạo nền tảng cho quản trị hiện đại.

Đặc biệt, mô hình báo cáo tuần, báo cáo tháng và báo cáo vụ việc trực tuyến trên nền tảng Microsoft Forms, Google Forms đã tạo ra bước chuyển quan trọng trong công tác tổng hợp. Hoạt động được lượng hóa từ 70 đến 85%; thời gian tổng hợp báo cáo giảm khoảng 65 đến 70% so với phương thức truyền thống. Đây không đơn thuần là ứng dụng công nghệ mà là bước chuyển từ quản lý bằng kinh nghiệm sang quản trị dựa trên dữ liệu.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, toàn hệ thống đã tổ chức hàng trăm hội nghị trực tuyến, duy trì nền nếp báo cáo điện tử, tăng cường trao đổi công việc trên môi trường số, từng bước hình thành phương thức điều hành nhanh hơn, minh bạch hơn và hiệu quả hơn.

Hình thành môi trường làm việc số và không gian tri thức số

Cùng với việc triển khai đồng bộ hệ thống điều hành tác nghiệp MTTQ tại 104 xã, phường và các tổ chức chính trị - xã hội, các Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, sử dụng chữ ký số trong xử lý công việc và thực hiện các cuộc họp không giấy tờ, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã xây dựng, biên tập và phát hành "Sổ tay điện tử cán bộ Mặt trận" dạng sách lật điện tử nhằm cung cấp kịp thời các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ, biểu mẫu, kỹ năng công

tác cho đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở. Đây không chỉ là kho tri thức dùng chung mà còn là công cụ hỗ trợ cán bộ cơ sở tiếp cận nhanh kiến thức nghiệp vụ, góp phần chuẩn hóa và nâng cao chất lượng hoạt động trong toàn hệ thống.

Song hành với đó, mô hình "Điểm tin điện tử công tác Mặt trận" được duy trì thường xuyên ở cấp tỉnh và nhiều địa phương. Thông qua các ấn phẩm điện tử, hoạt động của Mặt trận được truyền tải nhanh chóng, trực quan, phù hợp với xu hướng tiếp nhận thông tin trên môi trường số.

Xây dựng phương thức dân vận mới trên môi trường số

Nếu như trước đây công tác dân vận chủ yếu được thực hiện thông qua các Hội nghị, cuộc tiếp xúc trực tiếp thì ngày nay, cùng với sự phát triển của công nghệ, không gian số đang trở thành một địa bàn mới của công tác Mặt trận.

Từ thực tiễn đó, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã xây dựng và triển khai mô hình "Kết nối số - Mặt trận đồng hành cùng Nhân dân". Thông qua mã QR được đặt tại nhà văn hóa, khu dân cư và các nền tảng số cộng đồng, người dân có thể dễ dàng gửi ý kiến, kiến nghị, phản ánh tới Mặt trận mọi lúc, mọi nơi. Đến nay, mô hình đã được triển khai tại 17 xã, phường với 329 khu dân cư; tiếp nhận hàng trăm ý kiến, phản ánh và góp ý của Nhân dân. Quan trọng hơn, mô hình đã tạo thêm một kênh tương tác hai chiều giữa Mặt trận với Nhân dân, giúp công tác nắm bắt dư luận xã hội, giám sát và phản biện xã hội được thực hiện nhanh chóng, kịp thời và sát thực tiễn hơn. Giá trị lớn nhất của mô hình không nằm ở công nghệ mà ở việc tạo dựng một "cầu nối số" giữa Mặt trận với Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và củng cố niềm tin xã hội.

Không chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của Nhân dân trên môi trường số, MTTQ các cấp trong tỉnh còn từng bước hình thành "không gian đại đoàn kết số" thông qua hệ thống fanpage, nhóm Zalo cộng đồng và các nền tảng truyền thông số. Đến nay, 100% Ủy ban MTTQ các xã, phường đã xây dựng fanpage; Zalo OA, hầu hết khu dân cư duy trì các nhóm Zalo cộng đồng phục vụ công tác tuyên truyền, kết nối và nắm tình hình Nhân dân. Hơn 69.000 tin, bài tuyên truyền được đăng tải trên các nền tảng số, tạo thành mạng lưới truyền thông rộng khắp từ tỉnh đến cơ sở.

Chuyển đổi số cũng được mở rộng sang lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa. MTTQ và các tổ chức thành viên đã tham gia số hóa 115 công trình, di tích lịch sử, địa chỉ đỏ, tạo thêm phương thức giáo dục truyền thống và giúp người dân, nhất là thế hệ trẻ, tiếp cận lịch sử quê hương trên môi trường số.

Lấy con người làm trung tâm của chuyển đổi số

Xác định con người là yếu tố quyết định hiệu quả chuyển đổi số, MTTQ tỉnh Hưng Yên đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận thích ứng với môi trường số. Nhiều lớp tập huấn về kỹ năng số, ứng dụng AI, bảo mật thông tin, phòng chống lừa đảo trên không gian mạng được tổ chức cho cán bộ Mặt trận các cấp. Phong trào "Bình dân học vụ số" được triển khai sâu rộng với sự tham gia của các tổ chức thành viên. Hàng trăm đội hình thanh niên xung kích chuyển đổi số được thành lập; các lớp hướng dẫn kỹ năng số cho người dân được tổ chức rộng khắp từ cơ sở. Đặc biệt, lớp "Bình dân học vụ số" trực tuyến kết nối đến 100% thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh đã thu hút hàng trăm nghìn lượt người dân tham gia, góp phần đưa tri thức số đến tận cộng đồng dân cư.

Trong hệ thống Mặt trận, AI đang được từng bước ứng dụng vào tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo, biên tập nội dung tuyên truyền, thiết kế sản phẩm truyền thông và hỗ trợ nghiên cứu tài liệu.



Xã Nguyễn Trãi ra mắt mô hình "Kết nối số - Mặt trận đồng hành cùng Nhân dân"
Ảnh: Xã Nguyễn Trãi

Từ các mô hình riêng lẻ đến hệ sinh thái Mặt trận số

Điều đáng chú ý là các mô hình chuyển đổi số tại Hưng Yên không tồn tại riêng lẻ mà đang từng bước được kết nối với nhau để hình thành hệ sinh thái "Mặt trận số". Đó là hệ sinh thái mà ở đó dữ liệu được số hóa và chia sẻ; văn bản được xử lý trên môi trường điện tử; thông tin được cập nhật theo thời gian thực; cán bộ được trang bị kỹ năng số; người dân có thêm các kênh kết nối với Mặt trận; còn các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước được lan tỏa mạnh mẽ trên không gian mạng.

Hành trình còn ở phía trước

Chuyển đổi số không phải là hành trình thay đổi Mặt trận, mà là hành trình giúp Mặt trận thực hiện tốt hơn sứ mệnh của mình trong điều kiện mới. Công nghệ có thể thay đổi phương thức hoạt động, nhưng tinh thần gần dân, sát dân, lắng nghe dân và vì Nhân dân phục vụ vẫn là giá trị xuyên suốt của hệ thống Mặt trận.

Từ những mô hình thiết thực như "Kết nối số - Mặt trận đồng hành cùng Nhân dân", "Gia đình số", "Sổ tay điện tử cán bộ Mặt trận", "Điểm tin điện tử công tác Mặt trận", báo cáo trực tuyến, phòng họp không giấy tờ đến "Bình dân học vụ số", "1+30",... MTTQ các cấp tỉnh Hưng Yên đang từng bước hình thành nền tảng của một hệ sinh thái "Mặt trận số" hiện đại, liên thông và gần dân hơn.

Với phương châm "Lấy Nhân dân làm trung tâm, lấy công nghệ làm công cụ, lấy kết nối làm cầu nối, lấy hiệu quả phục vụ làm thước đo", MTTQ Việt Nam tỉnh Hưng Yên đang từng bước đổi mới phương thức hoạt động, đưa công nghệ vào gần hơn với đời sống và công tác Mặt trận. Hành trình xây dựng "Mặt trận số" vẫn còn ở phía trước, nhưng những kết quả bước đầu đang tạo nền tảng để Mặt trận tiếp tục gần dân hơn, lắng nghe dân tốt hơn và phục vụ Nhân dân hiệu quả hơn trong kỷ nguyên số.

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tháo gỡ điểm nghẽn cố hữu từ thực thi thể chế

Nguyễn Thị Hồng Thái
Phó Giám đốc Sở KH&CN

Với sự quan tâm đặc biệt hoàn thiện thể chế khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST và CĐS), chỉ trong 18 tháng kể từ khi Nghị quyết số 57/NQ-TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CĐS ra đời, Quốc hội đã thông qua 30 luật; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hơn 70 nghị định, 30 nghị quyết, 72 quyết định; các bộ, ngành ban hành hơn 80 thông tư cùng nhiều văn bản hướng dẫn triển khai. Chuyển mạnh từ giai đoạn hoàn thiện thể chế sang giai đoạn tổ chức thực thi, bước khởi đầu này còn không ít điểm nghẽn cố hữu cần kịp thời tháo gỡ để đạt mục tiêu đưa KHCN, ĐMST và CĐS thực sự trở thành động lực phát triển mới của đất nước.

Từ hoàn thiện đến thực thi - Bước đi đúng hướng

Nhận định bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn mới của phát triển KHCN, ĐMST và CĐS, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Vũ Hải Quân khẳng định, nhiều chủ trương lớn của Đảng đã được thể chế hóa; nhiều luật, nghị định và cơ chế, chính sách mới đã được xây dựng, ban hành theo hướng mạnh dạn, cởi mở, trao quyền nhiều hơn và khuyến khích ĐMST mạnh mẽ hơn.

Nền tảng thể chế ngày càng đầy đủ với hơn 400 văn bản mở đường cho phát triển phải kể đến sự ra đời của Luật KHCN và ĐMST năm 2025, đánh dấu bước ngoặt chuyển biến mạnh mẽ tư duy quản lý từ kiểm soát quy trình đầu vào sang quản lý kết quả đầu ra, chấp nhận rủi ro. Hay nói một cách khác, trọng tâm quản lý nhà nước không còn là cách thức thực hiện, mà là kết quả nghiên cứu mang lại và tác động thực tiễn.

Định hướng tư duy này tiếp tục được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật khác như Luật Công nghệ cao và Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao. Với tính đột phá chuyển từ quản lý hành chính thuần túy sang kiến tạo hệ sinh thái, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thông qua thiết lập các khái niệm mang tính tiên phong như công nghệ chiến lược, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát…, Luật Công nghệ cao và Nghị định 260 đã mở màn cho các chính sách ưu đãi, hỗ trợ vượt trội. So với giai đoạn trước, từ đây Nhà nước áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ cao nhất về thuế, về lãi suất vay, về sở hữu trí tuệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu... cho lĩnh vực KHCN.

Ông Nguyễn Phú Hùng - Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cho biết: Điển hình là việc miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê đối với diện tích đất phục vụ trực tiếp cho hoạt động của doanh nghiệp công nghệ chiến lược và trung tâm nghiên cứu; mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp được

nới rộng thời gian áp dụng thuế suất 10% lên tới 25 năm, đi kèm với cơ chế miễn thuế nhập khẩu vật tư chuyên dùng phục vụ nghiên cứu. Đặc biệt, tư duy trọng dụng nhân tài có bước tiến lớn, các chuyên gia, tổng công trình sư và nhân sự nòng cốt được hỗ trợ toàn diện về tiền thuê nhà ở, chi phí sinh hoạt, điều kiện an sinh xã hội cho cả bản thân và gia đình, cùng cơ chế tiền lương thỏa thuận linh hoạt và mức thưởng tối đa lên đến 06 tháng lương...

Điều đáng ghi nhận là không chỉ dừng ở việc tập trung hoàn thiện thể chế, mà những chủ trương, chính sách này đã bắt đầu đi vào cuộc sống. Theo đánh giá của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng: Chúng ta đã xác định 10 công nghệ chiến lược gắn với 30 sản phẩm công nghệ chiến lược và 20 bài toán lớn của quốc gia để tập trung nguồn lực đầu tư và tổ chức thực hiện. Liên kết giữa Nhà nước, trường đại học, viện nghiên cứu và cộng đồng doanh nghiệp ngày càng được tăng cường; nhiều kết quả nghiên cứu đã được chuyển giao vào sản xuất và đời sống. Một số doanh nghiệp Việt Nam đã và đang từng bước làm chủ các công nghệ lõi, phát triển các sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Nhiều địa phương đã chủ động ứng dụng KHCN, ĐMST và CĐS vào quản lý, sản xuất, phát triển du lịch, xây dựng chuỗi cung ứng, truy xuất nguồn gốc, hình thành những mô hình mới, mang lại hiệu quả thiết thực. Những kết quả đó cho thấy chúng ta đang đi đúng hướng.

Để quy định pháp luật trở thành kết quả cụ thể

Cũng theo Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng, đến nay, thể chế cho phát triển KHCN, ĐMST và CĐS cơ bản đã hoàn thiện. Với các điều kiện cần thiết cơ bản đã có, yêu cầu đặt ra hiện nay không còn là tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách hay nguồn vốn, mà là tập trung tổ chức thực thi quyết liệt, hiệu quả và thực chất, là tháo gỡ điểm nghẽn cố hữu lâu nay trong tổ chức thực hiện. Mỗi bộ, ngành, địa phương phải biến những quy định của pháp luật thành kết quả phát triển cụ thể; biến cơ chế, chính sách của Nhà nước thành năng suất, thành sản phẩm, thành năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, thành lợi ích thiết thực cho người dân.

Tháng 7 vừa qua, Bộ KH&CN đã chủ động tổ chức hội nghị chuyên đề lắng nghe các ý kiến đóng góp tâm huyết, kịp thời tiếp thu những phản ánh sát thực nhất trong quá trình thực thi cơ chế, chính sách của các địa phương, của cộng đồng doanh nghiệp, của các chuyên gia, nhà khoa học… Hầu hết các ý kiến đều tập trung vào những vấn đề có ý nghĩa then chốt đối với giai đoạn thực thi sắp tới.

Đối với thể chế cho công nghệ chiến lược, đó là phải tổ chức thực thi quyết liệt, chọn đúng trọng tâm, trọng điểm; tập trung nguồn lực quốc gia để tạo ra những đột phá có khả năng lan tỏa. Xây dựng cơ chế thử nghiệm phù hợp, chấp nhận rủi ro có kiểm soát, tạo điều kiện để công nghệ mới được phát triển, được kiểm chứng và nhanh chóng đi vào thực tiễn.

Đối với quản lý đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ và cơ chế đặc thù trong chuyển đổi số, đó là phải xác định rõ danh mục, nội dung chi ngân sách; chuẩn hóa các quy trình, thủ tục thực hiện và "cá thể hóa" trách nhiệm đến từng khâu, từng cá nhân, qua đó tạo không gian để các cơ quan, đơn vị và cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch và phòng, chống tiêu cực.

Đối với Quỹ Phát triển KHCN và ĐMST, đó là đổi mới tư duy hoạt động từ "Quỹ tài trợ" sang "Quỹ kiến tạo phát triển", lấy hiệu quả thương mại hóa kết quả

nghiên cứu, hỗ trợ doanh nghiệp làm chủ công nghệ và phát triển doanh nghiệp công nghệ Việt Nam làm mục tiêu xuyên suốt trong tổ chức và vận hành Quỹ.

Để xử lý khó khăn, vướng mắc về lập, phân bổ và giao dự toán chi sự nghiệp KHCN, bà Hoàng Thị Phương Lựu, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ chia sẻ: Tháo gỡ dứt điểm nút thắt tài chính cần thông qua 4 nhóm giải pháp đồng bộ về chuẩn hóa quy trình, công thức hóa cách tính, đảm bảo tính liên tục bằng cách tạo số liệu nền chuyển tiếp phù hợp hướng tới kết quả đầu ra và thống nhất hành động từ Trung ương đến từng địa phương. Với phạm vi điều chỉnh là chương trình, nhiệm vụ KHCN, ĐMST hằng năm; kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức KHCN công lập; việc phân bổ, giao dự toán cho nhiệm vụ KHCN, ĐMST đối với các bộ, ngành, địa phương chưa thành lập Quỹ, cơ chế lập, phân bổ và giao dự toán chi sự nghiệp KHCN phải bảo đảm phân bổ và sử dụng nguồn lực kịp thời, đúng mục tiêu, đúng đối tượng và phát huy hiệu quả cao nhất, có như thế nguồn lực dành cho KHCN, ĐMST và CĐS mới tránh được tình trạng bị chậm trễ do vướng mắc về thủ tục hoặc tâm lý e ngại trách nhiệm…

Nâng cao vai trò quan trọng chủ thể hệ sinh thái

Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng cho rằng, thước đo thành công của chúng ta hiện nay là có bao nhiêu công nghệ được làm chủ; bao nhiêu sản phẩm mới được thương mại hóa; bao nhiêu doanh nghiệp đổi mới sáng tạo sẽ phát triển; và quan trọng hơn cả là KHCN, ĐMST và CĐS đã đóng góp như thế nào vào tăng trưởng kinh tế của đất nước, nâng cao năng suất lao động và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Để những mục tiêu đó trở thành hiện thực và từng bước đi vào cuộc sống, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng chỉ đạo bốn chủ thể quan trọng nhất của hệ sinh thái KHCN, ĐMST và CĐS cùng hành động với quyết tâm cao hơn, trách nhiệm lớn hơn và tinh thần đổi mới mạnh mẽ hơn.

Trước hết, đối với Nhà nước, cần tiếp tục đổi mới tư duy quản lý theo hướng kiến tạo phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Các bộ, ngành, địa phương phải tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và nhất quán các quy định của pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Đồng thời, phải kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, sợ sai, sợ trách nhiệm trong thực thi công vụ; bảo vệ và khuyến khích những cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Trong giai đoạn hiện nay, điều đất nước cần nhất là những người dám hành động để đưa chính sách vào cuộc sống.

Thứ hai, đối với đội ngũ các nhà khoa học, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng mong muốn tiếp tục phát huy tinh thần sáng tạo, khát vọng cống hiến, chủ động tham gia giải quyết những bài toán lớn của quốc gia. Nghiên cứu khoa học phải xuất phát từ yêu cầu phát triển đất nước, từ nhu cầu của doanh nghiệp, của địa phương và của người dân; lấy hiệu quả ứng dụng, khả năng thương mại hóa và tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội làm một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá kết quả nghiên cứu, phát triển. Nhà khoa học không chỉ là người tạo ra tri thức mới mà còn phải là người đồng hành cùng doanh nghiệp, góp phần chuyển tri thức thành của cải vật chất và năng lực cạnh tranh của quốc gia.

Thứ ba, đối với các viện nghiên cứu, các trường học, cần chủ động xây dựng mô hình đổi mới sáng tạo gắn liền với nhu cầu thực tiễn của xã

hội, tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và thương mại hóa các sản phẩm trí tuệ. Nhà trường cần cải tiến chương trình đào tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ngay trong khuôn viên nhà trường để khơi dậy tư duy đột phá của học sinh, sinh viên. Sự phối hợp chặt chẽ giữa "Nhà nước - Nhà trường, Viện nghiên cứu - Doanh nghiệp" sẽ là chìa khóa để hiện thực hóa các ý tưởng sáng tạo thành giá trị kinh tế cụ thể. Các viện, trường phải đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ số và phương pháp dạy học hiện đại, khẳng định vai trò là trung tâm tri thức và động lực phát triển bền vững của quốc gia.

Thứ tư, đối với cộng đồng doanh nghiệp, cần mạnh dạn đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, chủ động đổi mới công nghệ, tích cực đặt hàng các viện nghiên cứu, trường đại học và tham gia sâu hơn vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Doanh nghiệp không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà phải trở thành trung tâm của quá trình đổi mới sáng tạo, là nơi tiếp nhận, làm chủ, hoàn thiện và thương mại hóa công nghệ. Chỉ khi doanh nghiệp thực sự coi KHCN, ĐMST và CĐS là động lực phát triển mới có thể hình thành những doanh nghiệp công nghệ lớn của Việt Nam, đủ sức cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới.

Thực tế thời gian qua, phải thẳng thắn nhìn nhận, vì nhiều lý do khác nhau như rào cản về thể chế, cơ chế tài chính chưa phù hợp, thủ tục còn phức tạp, một số nơi còn thiếu chủ động…, hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư cho KHCN, ĐMST và CĐS, trong đó có công tác giải ngân nguồn vốn chưa thực sự như mong muốn. Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh: Chúng ta cần thống nhất rằng, đầu tư cho KH&CN là đầu tư cho tương lai. Nếu nguồn lực đã bố trí không được đưa vào cuộc sống một cách kịp thời sẽ làm mất cơ hội phát triển ngay ở hiện tại. Mỗi đồng vốn chậm giải ngân không chỉ là một khoản kinh phí chưa được sử dụng, mà còn là một công nghệ chậm được nghiên cứu, một sản phẩm chậm được hình thành, một doanh nghiệp chậm có cơ hội đổi mới và một động lực tăng trưởng bị bỏ lỡ.

Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng đã chỉ đạo, một trong những nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới là phải khắc phục triệt để những khó khăn, bất cập này, coi tiến độ, kết quả giải ngân là một trong những thước đo của lĩnh vực KHCN, ĐMST và CĐS. Phó Thủ tướng yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về tiến độ phân bổ, giao dự toán và giải ngân nguồn lực dành cho KHCN, ĐMST và CĐS; thường xuyên rà soát để tháo gỡ khó khăn ngay từ cơ sở, quyết tâm phấn đấu giải ngân hết nguồn vốn trong năm 2026 và các năm tiếp theo. Đồng thời, giao Bộ KHCN chủ trì, phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá kết quả giải ngân của các bộ, ngành và địa phương để có cơ sở kịp thời biểu dương những nơi làm tốt, đồng thời nhắc nhở, chấn chỉnh những nơi thực hiện chưa nghiêm.

Bước vào giai đoạn phát triển mới với chủ trương đúng, thể chế ngày càng hoàn thiện không còn là rào cản mà là lợi thế cạnh tranh, nguồn lực được quan tâm bố trí và đội ngũ nhà khoa học, doanh nghiệp từng bước trưởng thành, ý chí "ít nói khó, nhiều cách làm; ít kiến nghị, nhiều hành động; lấy kết quả thực tiễn làm thước đo cao nhất" sẽ đưa KHCN, ĐMST và CĐS thực sự trở thành động lực tăng trưởng mới của đất nước, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng một Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, hùng cường và thịnh vượng trong kỷ nguyên mới.

THANH TRA TỈNH HƯNG YÊN ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG "CƠ QUAN THANH TRA SỐ" HIỆN ĐẠI

Vũ Quốc Nghị
Chánh Thanh tra tỉnh Hưng Yên



Hướng dẫn sử dụng Phần mềm Quản lý và Theo dõi tiến độ Đoàn thanh tra

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển mạnh mẽ, chuyển đổi số trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Với ngành Thanh tra, đây không chỉ là việc ứng dụng công nghệ thông tin mà còn là quá trình đổi mới phương thức quản trị, quy trình nghiệp vụ và văn hóa công vụ. Thanh tra tỉnh Hưng Yên đang triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng "Cơ quan Thanh tra số" hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

Tạo nền tảng chuyển đổi số toàn diện

Bám sát chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, ngày 12/5/2026, Đảng ủy Thanh tra tỉnh ban hành Nghị quyết số 199-NQ/ĐU về thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035. Ngày 11/6/2026, Đảng ủy Thanh tra tỉnh tiếp tục ban hành Kế hoạch số 222-KH/ĐU về triển khai chuyển đổi số trong Đảng bộ Thanh tra tỉnh giai đoạn 2026-2028. Trên cơ sở đó, Thanh tra tỉnh xây dựng kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2028, hướng tới trở thành "Cơ quan Thanh tra số" điển hình của tỉnh, hoạt động dựa trên dữ liệu và vận hành trên môi trường số.

Cùng với việc cụ thể hóa các chủ trương, kế hoạch, tập thể lãnh đạo Thanh tra tỉnh khuyến khích cán bộ, công chức đổi mới, sáng tạo, phát huy kinh nghiệm thực tiễn và đề xuất sáng kiến. Việc biểu dương, khen thưởng kịp thời được chú trọng nhằm khuyến khích những giải pháp dù nhỏ nhưng thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.

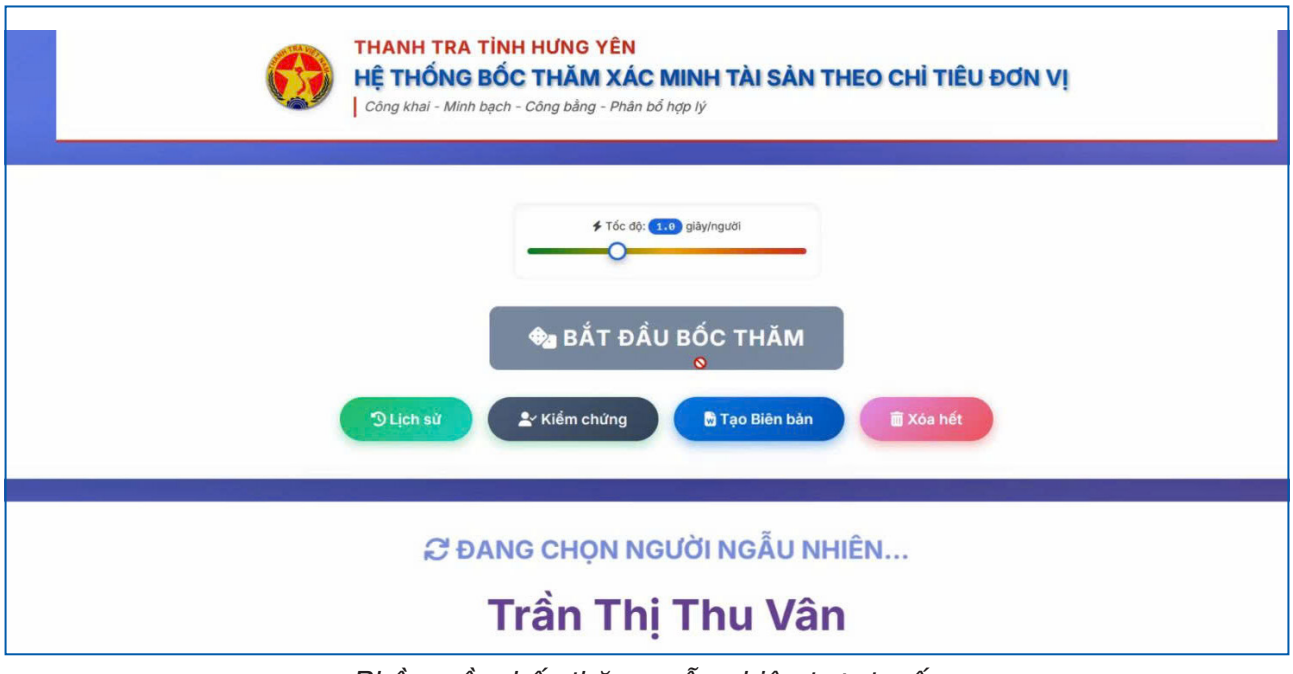
Một trong những hướng triển khai là chuẩn hóa biểu mẫu và dữ liệu ngay từ khâu đầu vào. Các trường thông tin được quy định rõ, thống nhất cách nhập liệu; đồng thời thiết lập công thức và cảnh báo logic để hạn chế dữ liệu thiếu đồng bộ hoặc không phù hợp. Cách làm này giúp nâng cao độ chính xác, đầy đủ của dữ liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác, phân tích và phục vụ công tác quản lý, điều hành. Thanh tra tỉnh cũng có sáng kiến xây dựng "Sổ tiếp công dân điện tử", hướng tới chuẩn hóa dữ liệu và tự động hóa báo cáo theo thời gian thực.

Theo Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng thực hiện từ năm 2026, Thanh tra tỉnh được giao nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thống kê, báo cáo công tác thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong điều kiện thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Nhiệm vụ đã được thuyết minh và đạt 83/100 điểm; Thanh tra tỉnh đã hoàn thiện các yêu cầu của hội đồng thẩm định, chờ UBND tỉnh quyết định phê duyệt.

Năm 2026, Thanh tra tỉnh tự nghiên cứu, xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm bốc thăm ngẫu nhiên trực tuyến để lựa chọn đối tượng xác minh tài sản, thu nhập, thay thế phương thức bốc thăm thủ công. Phần mềm giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị, tổ chức và hạn chế sự can thiệp thủ công. Theo thiết kế được giới thiệu, hệ thống sử dụng thuật toán Fisher - Yates Shuffle kết hợp Seeded Random (Linear Congruential



Hội nghị lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh tài sản, thu nhập năm 2026



Phần mềm bốc thăm ngẫu nhiên trực tuyến

Generator); mỗi phiên có Random Seed và Session ID riêng, dữ liệu được lưu trữ điện tử để phục vụ kiểm tra, giám sát và đối chiếu. Giải pháp góp phần tăng tính minh bạch, khách quan trong lựa chọn đối tượng xác minh.

Thanh tra tỉnh cũng đề xuất xây dựng phần mềm quản lý, theo dõi tiến độ đoàn thanh tra, bao quát quá trình từ chuẩn bị, triển khai đến ban hành kết luận và lưu trữ hồ sơ điện tử. Khi quy mô đội ngũ tăng từ khoảng 30-40 người lên gần 180 người, việc quản lý bằng hồ sơ giấy và sổ sách bộc lộ hạn chế trong tổng hợp, tra cứu và theo dõi tiến độ. Phần mềm được định hướng hỗ trợ lãnh đạo nắm bắt tình hình kịp thời, chủ động chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn; đồng thời cho phép làm việc ngoại tuyến, sử dụng trên thiết bị di động và phân quyền giữa các khâu thực hiện, kiểm soát nhằm tăng cường bảo mật dữ liệu.

Đổi mới quản lý, điều hành trên môi trường số

Thanh tra tỉnh đặt mục tiêu 100% văn bản điện tử được ký số theo quy định và 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử, trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước. Công tác báo cáo, thống kê được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh. Việc sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, sổ tay đảng viên điện tử, hệ thống điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng, Cổng thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh và các nền tảng số dùng chung góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm chi phí hành chính, nâng cao tính minh bạch.

Năm 2026, Thanh tra tỉnh nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản trị công việc và cảnh báo hằng ngày. Hệ thống tự động thông tin về công việc mới được giao, nhắc việc sắp đến hạn và cảnh báo hồ sơ quá hạn. Trưởng phòng nhận thông tin thuộc phạm vi đơn vị mình; lãnh đạo nhận báo cáo tổng hợp theo các cấp. Với đơn thư tố cáo nhạy cảm, hệ thống được thiết kế để ẩn danh người gửi. Qua đó, thông tin được chuyển đến đúng người, đúng việc, đúng thời điểm, hỗ trợ nâng cao hiệu quả điều hành.

Phát triển nhân lực số, bảo đảm an toàn thông tin

Thanh tra tỉnh xác định con người là yếu tố then chốt trong chuyển đổi số. Theo kế hoạch năm 2026, 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin; thường xuyên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số dùng chung. Cơ quan khuyến khích tự học qua các nền tảng trực tuyến, đồng thời triển khai

phong trào "Bình dân học vụ số" nhằm nâng cao năng lực khai thác dữ liệu số. Mục tiêu là xây dựng đội ngũ vừa vững pháp luật, vừa có tư duy số, kỹ năng số và khả năng bảo vệ thông tin trong môi trường mạng.

Do đặc thù quản lý nhiều thông tin liên quan đến thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, an toàn thông tin được xác định là yêu cầu xuyên suốt. Thanh tra tỉnh chú trọng nâng cấp hạ tầng bảo mật, tăng cường giám sát, cảnh báo sớm và ứng cứu sự cố an ninh mạng; tập huấn kỹ năng an toàn thông tin cho công chức. Các hệ thống nghiệp vụ yêu cầu đăng nhập bằng tài khoản định danh riêng, phân quyền theo chức trách; cán bộ, công chức có trách nhiệm bảo mật tài khoản, không chia sẻ mật khẩu hoặc dữ liệu nội bộ cho người không có thẩm quyền.

Hướng tới "Cơ quan Thanh tra số" hiện đại, minh bạch

Thời gian tới, Thanh tra tỉnh tiếp tục triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 199-NQ/ĐU ngày 12/5/2026 và Kế hoạch số 222-KH/ĐU ngày 11/6/2026, tập trung vào năm nhóm nhiệm vụ.

Thứ nhất, phát triển hạ tầng và dữ liệu số: nâng cấp đường truyền Internet, trang bị máy tính và máy quét tài liệu tốc độ cao; triển khai lưu trữ đám mây có dự phòng; tăng cường phòng, chống mã độc, bảo mật đa lớp và mã hóa dữ liệu nhạy cảm theo quy định. Đồng thời, chuẩn hóa, số hóa ba bộ dữ liệu chuyên ngành gồm dữ liệu các cuộc thanh tra; dữ liệu tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; dữ liệu kiểm soát tài sản, thu nhập.

Thứ hai, chuyển đổi số công tác quản lý, điều hành: xử lý 100% hồ sơ công việc trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành, tăng cường sử dụng chữ ký số; xây dựng bảng điều khiển trực tuyến cập nhật các chỉ số về tiến độ đoàn thanh tra, công việc và nhiệm vụ tham mưu xử lý đơn thư; triển khai thông báo, cảnh báo, nhắc việc qua thiết bị di động; kết nối chỉ số báo cáo chuyên ngành với Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh.

Thứ ba, số hóa quy trình nghiệp vụ: thu thập, chỉnh lý và số hóa hồ sơ thanh tra từ năm 2020 đến nay để đưa vào kho dữ liệu dùng chung; giám sát điện tử toàn bộ quá trình của đoàn thanh tra, từ phê duyệt kế hoạch, nhật ký, báo cáo tiến độ đến ban hành kết luận; tự động cảnh báo, đôn đốc thực hiện kết luận khi gần đến hạn. Phần mềm bốc thăm ngẫu nhiên trực tuyến tiếp tục được ứng dụng trong lựa chọn đối tượng xác minh tài sản và thanh tra chuyên đề.

Thứ tư, mở rộng hệ sinh thái phục vụ người dân và kết nối cơ sở trong giai đoạn 2027-2028: kết nối hệ thống từ tỉnh đến 104 xã, phường; hỗ trợ cán bộ cơ sở quét hồ sơ, cập nhật trực tiếp khi người dân đến khiếu nại. Thanh tra tỉnh dự kiến phát triển ứng dụng di động để người dân gửi phản ánh, tra cứu tiến độ giải quyết bằng mã định danh cá nhân hoặc mã QR; đồng thời đầu tư hệ thống tiếp công dân trực tuyến, ghi nhận và lưu trữ nội dung buổi tiếp, kết quả xử lý, công khai theo quy định trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan.

Thứ năm, bảo đảm an ninh mạng và phát triển nhân lực: phân loại dữ liệu, phân quyền truy cập theo vị trí việc làm và sao lưu dự phòng hằng tuần; bồi dưỡng kỹ năng khai thác dữ liệu, an toàn thông tin và tiếp công dân trực tuyến cho cán bộ, công chức. Cơ quan cũng định hướng xây dựng quy chế tiếp công dân trực tuyến, bảo đảm cơ sở pháp lý theo quy định của Luật Tiếp công dân.

Với quyết tâm chính trị và sự vào cuộc đồng bộ của cán bộ, công chức, cùng sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh Hưng Yên đang từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng "Cơ quan Thanh tra số". Khi hoạt động quản lý, điều hành và nghiệp vụ được vận hành trên nền tảng số, dữ liệu được kết nối, chia sẻ thông suốt, người dân và doanh nghiệp sẽ có thêm điều kiện tiếp cận dịch vụ thuận tiện, công khai và minh bạch hơn. Đây cũng là nền tảng góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, liêm chính và phục vụ.

GIẢI THƯỞNG LÊ QUÝ ĐÔN: KHI TRÍ TUỆ TRỞ THÀNH ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

Mai Hương



Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thái Thị Thu Hường phát động Giải thưởng Lê Quý Đôn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2026

Từ năm 2026, Hưng Yên bắt đầu một giải thưởng về khoa học và công nghệ mang tên Lê Quý Đôn - một danh nhân tiêu biểu cho truyền thống hiếu học, trọng tri thức và tinh thần khảo cứu của quê hương. Nhưng giá trị của giải thưởng không chỉ nằm ở việc tôn vinh những công trình xuất sắc. Điều đáng chờ đợi hơn là từ những công trình ấy, một dòng chảy mới được tạo ra: từ phòng thí nghiệm đến đồng ruộng, từ giảng đường đến doanh nghiệp, từ ý tưởng đến sản phẩm và từ tri thức đến sức mạnh phát triển của địa phương.

Không chỉ là một giải thưởng

Chiều 21/7/2026, trong khuôn khổ chuỗi hoạt động kỷ niệm 300 năm Ngày sinh Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn, tỉnh Hưng Yên đã tổ chức Hội nghị phát động Giải thưởng Lê Quý Đôn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2026. Sự kiện có sự tham dự của lãnh đạo tỉnh, các sở, ngành, địa phương, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp cùng các cơ quan báo chí.

Nhìn ở góc độ một hoạt động tôn vinh, đây là một dấu mốc. Nhưng nếu chỉ nhìn Giải thưởng như một cuộc xét chọn để trao bằng, trao biểu trưng và tiền thưởng thì chưa đủ. Bởi ngay từ khi xây dựng chính sách, Hưng Yên đã đặt cho Giải thưởng một mục tiêu rộng hơn: tôn vinh những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng khoa học vào thực tiễn; góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh; đồng thời từng bước xây dựng Giải thưởng Lê Quý Đôn trở thành một giải thưởng khoa học có uy tín của Hưng Yên.

Một giải thưởng khoa học chỉ thực sự có giá trị khi xã hội tin rằng danh hiệu được trao cho đúng công trình, đúng giá trị và đúng người. Vì thế, Quy chế xét tặng Giải thưởng xác lập khá rõ những nguyên tắc: đăng ký trên cơ sở tự nguyện; xét qua Hội đồng; bảo đảm khách quan, công khai, công bằng, chính xác và lấy chất lượng công trình cùng điều kiện, tiêu chuẩn của tác giả làm nền tảng. Thậm chí, nếu không có công trình đủ điều kiện, giải thưởng không nhất thiết phải trao đủ theo cơ cấu.

Từ truyền thống trọng trí thức đến yêu cầu của thời đại mới

Việc lựa chọn tên Lê Quý Đôn cho một giải thưởng khoa học của Hưng Yên cũng mang ý nghĩa vượt ra ngoài yếu tố tưởng niệm.

Danh nhân Lê Quý Đôn là biểu tượng của tinh thần học hỏi, khảo cứu và khát vọng nhận thức thế giới bằng tri thức. Trong bài phát động Giải thưởng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thái Thị Thu Hường nhắc lại câu nói nổi tiếng: **"Phi nông bất ổn, phi công bất phú, phi thương bất hoạt, phi trí bất hưng"**, tương truyền, đây là câu nói nổi tiếng của nhà bác học Lê Quý Đôn.

Hơn hai thế kỷ đã đi qua. Cơ cấu kinh tế, công nghệ và phương thức tổ chức xã hội đã thay đổi rất xa. Nhưng tinh thần của câu nói ấy vẫn có một điểm gặp gỡ với yêu cầu phát triển hôm nay: muốn đi xa, địa phương phải biết coi trọng tri thức và con người tạo ra tri thức.

Trong bối cảnh Hưng Yên đang đặt khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào vị trí ngày càng quan trọng trong chiến lược phát triển, một giải thưởng mang tên Lê Quý Đôn vì thế không chỉ là sự tiếp nối truyền thống. Nó còn là một thông điệp về cách Hưng Yên nhìn vào tương lai.

Đó là lý do Giải thưởng được gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Các văn bản tổ chức Giải thưởng đồng thời xác định yêu cầu lựa chọn những công trình có giá trị khoa học và hiệu quả thực tiễn, gắn với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nói cách khác, Hưng Yên đang tìm kiếm không chỉ những kết quả nghiên cứu "hay", mà là những kết quả có khả năng tạo ra giá trị. Đây cũng chính là điểm làm nên bản sắc của Giải thưởng.

Công trình phải đi qua "phép thử" của thực tiễn

Giải thưởng năm 2026 dành cho tác giả, đồng tác giả là công dân Việt Nam có công trình đạt kết quả xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các công trình được xét trong bốn nhóm lĩnh vực: khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp; khoa học xã hội và nhân văn.

Tổng số giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tối đa là 19 giải, gồm 6 giải cho khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ; 6 giải cho khoa học y, dược; 6 giải cho khoa học nông nghiệp và 1 giải cho khoa học xã hội và nhân văn. Mỗi giải được tặng Bằng chứng nhận, Biểu tượng Giải thưởng và tiền thưởng 90 triệu đồng.

Theo Quy chế, công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được thực hiện trên phạm vi tỉnh Hưng Yên và phục vụ trực tiếp sự phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh; đồng thời phải được công bố hoặc ứng dụng trong thực tiễn ít nhất một năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

Quy định này tạo ra một ranh giới khá rõ. Một ý tưởng mới có thể rất hấp dẫn. Một kết quả nghiên cứu có thể rất công phu. Nhưng để bước vào cuộc xét chọn, công trình phải chứng minh được mình đã đứng ở đâu trong đời sống thực tế.

Với nghiên cứu ứng dụng, đó có thể là một giải pháp phục vụ sản xuất, kinh doanh, xây dựng chính sách; một sản phẩm, công nghệ hoặc quy trình mới giúp nâng năng suất, giảm chi phí, cải thiện chất lượng cuộc sống.

Với công trình phát triển công nghệ, yêu cầu còn đi xa hơn: có khả năng sản xuất thử, kiểm soát chất lượng, chi phí, thương mại hóa; thậm chí có doanh nghiệp, cơ quan hoặc tổ chức cam kết tiếp nhận, ứng dụng, thương mại hóa kết quả.

Với đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn được đặt vào khả năng



Không gian tưởng niệm Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn - người được hậu thế nhắc nhớ bởi tinh thần học hỏi, khảo cứu và trọng dụng tri thức

tạo ra tri thức, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, tối ưu hóa nguồn lực, tự động hóa, giảm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Còn với các giải pháp xã hội, đó là khả năng giải quyết những vấn đề thực tiễn của kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, môi trường; tạo ra những mô hình, chính sách, quy trình hay phương thức tổ chức có tính đổi mới và khả năng ứng dụng cao. Đó là cách tỉnh Hưng Yên đưa khoa học và công nghệ về gần hơn với cuộc sống.

Một quy trình xét chọn được thiết kế để "lọc" giá trị

Một giải thưởng khoa học muốn tạo được niềm tin không thể chỉ dựa vào một hội đồng và một cuộc bỏ phiếu. Quy trình xét tặng Giải thưởng Lê Quý Đôn năm 2026 được thiết kế theo nhiều tầng đánh giá.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện tiếp nhận, tổng hợp, phân loại và hướng dẫn tác giả bổ sung hồ sơ khi cần thiết. Sau đó, Hội đồng chuyên ngành xem xét, chấm điểm và lựa chọn những hồ sơ có kết quả tốt nhất để đề nghị Hội đồng cấp tỉnh xem xét.

Đây là điểm mà những người có công trình dự giải cần đặc biệt lưu ý. Hồ sơ không chỉ cần "đủ giấy". Nó phải kể được câu chuyện của công trình bằng những bằng chứng có sức thuyết phục.

Bộ biểu mẫu của Giải thưởng yêu cầu báo cáo tóm tắt phải thể hiện từ bối cảnh hình thành, mục tiêu, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu đến kết quả; đồng thời làm rõ giá trị khoa học, hiệu quả khoa học - công nghệ, hiệu quả kinh tế - xã hội và những giải thưởng khoa học, công nghệ mà công trình đã đạt được nếu có.

Năm tiêu chí đánh giá được xác định gồm: giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, tính hiệu quả, khả năng nhân rộng và thành tích đạt giải thưởng quốc tế, quốc gia, cấp tỉnh. Tổng số điểm là 100; tùy loại công trình mà trọng số của các tiêu chí được quy định cụ thể.

Ở vòng Hội đồng chuyên ngành, hồ sơ phải đạt điểm

trung bình từ 70/100 trở lên và không có thành viên Hội đồng nào chấm dưới 50 điểm. Sau đó, Hội đồng cấp tỉnh chỉ xem xét những công trình được Hội đồng chuyên ngành đề nghị; công trình được đề nghị trao giải phải có ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng cấp tỉnh bỏ phiếu đồng ý.

Những con số ấy cho thấy một điều: Giải thưởng đang được thiết kế theo hướng không để một tiêu chí đơn lẻ quyết định số phận của một công trình. Giá trị khoa học phải đi cùng giá trị thực tiễn. Hiệu quả phải đi cùng khả năng nhân rộng. Thành tích đã có là một lợi thế, nhưng không thay thế được chất lượng cốt lõi của công trình.

Điều đáng chờ đợi sau lễ trao giải

Theo kế hoạch, lễ công bố và trao Giải thưởng dự kiến tổ chức trong tháng 12/2026. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở một lễ trao giải trang trọng thì sức sống của Giải thưởng sẽ khó có thể kéo dài.

Điều đáng chờ đợi là sau khi những công trình xuất sắc được gọi tên, chúng sẽ tiếp tục được giới thiệu, kết nối và lan tỏa. Chính Kế hoạch của tỉnh đã xác định nhiệm vụ tuyên truyền, công bố công khai kết quả trên các phương tiện thông tin đại chúng; đồng thời khuyến khích tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, đào tạo, tập huấn và các hoạt động liên quan đến Giải thưởng.

Đây có thể là "phần sau" quan trọng nhất của một giải thưởng khoa học.

Một công trình tốt nếu chỉ nằm trong hồ sơ thì giá trị xã hội của nó vẫn còn giới hạn. Nhưng nếu được doanh nghiệp biết đến, được cơ quan quản lý tiếp nhận, được chuyển giao cho cơ sở sản xuất, được đưa vào đào tạo hoặc tiếp tục phát triển thành sản phẩm, công nghệ, mô hình mới, thì khi ấy giải thưởng mới thực sự trở thành chất xúc tác cho đổi mới sáng tạo.

Hưng Yên cũng đã xác định trách nhiệm của nhiều chủ thể trong việc tạo ra sức lan tỏa đó: các sở, ngành, Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ, các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng tham gia tuyên truyền, vận động, hỗ trợ các công trình đủ điều kiện.

Điều này mở ra một cách nhìn khác về Giải thưởng Lê Quý Đôn. Đây không chỉ là câu chuyện của các nhà khoa học. Đó còn là câu chuyện của doanh nghiệp cần công nghệ mới; của người nông dân cần một quy trình sản xuất hiệu quả hơn; của bệnh viện cần một giải pháp kỹ thuật tốt hơn; của chính quyền cần một mô hình quản trị thông minh hơn; của nhà trường cần những kết quả nghiên cứu có thể bước ra khỏi giảng đường.

Và trên hết, đó là câu chuyện về cách một địa phương biến tri thức thành năng lực cạnh tranh.

Lê Quý Đôn từng đặt "trí" vào vị trí cuối cùng trong một câu nói nhưng lại là nền tảng để làm nên sự hưng thịnh. Hôm nay, Hưng Yên đang cụ thể hóa tinh thần ấy bằng một thiết chế mới để tìm kiếm, tôn vinh và lan tỏa những giá trị của trí tuệ.

Giải thưởng Lê Quý Đôn năm 2026 vì thế có thể được xem như một phép thử. Phép thử đối với chất lượng công trình. Phép thử đối với sức sống của khoa học trong thực tiễn. Và rộng hơn, là phép thử đối với khả năng biến truyền thống trọng học, trọng tài của một vùng đất thành động lực phát triển trong thời đại công nghệ.

Nếu làm được điều đó, giá trị lớn nhất của Giải thưởng sẽ không nằm ở 19 biểu trưng được trao trong một buổi lễ. Nó sẽ nằm ở những công trình tiếp tục được ứng dụng sau lễ trao giải. Ở những ý tưởng mới được khơi nguồn. Ở những nhà khoa học có thêm động lực để theo đuổi một vấn đề đến cùng. Và ở một Hưng Yên ngày càng biết cách đặt trí tuệ vào đúng vị trí của nó: trung tâm của đổi mới và động lực của phát triển.

Tại Hội nghị phát động, đồng chí Phạm Văn Nghiêm, Phó Chủ tịch UBND tỉnh cũng nhấn mạnh yêu cầu tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng khoa học, doanh nghiệp và Nhân dân, qua đó khơi dậy tinh thần hiếu học, trọng dụng nhân tài, phát huy truyền thống khoa bảng của quê hương Lê Quý Đôn và đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trở thành động lực phát triển của tỉnh.

HƯNG YÊN ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đỗ Quốc Hồng

Phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số đồng bộ, lấy dữ liệu làm nền tảng, người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, tỉnh Hưng Yên đặt mục tiêu đưa chuyển đổi số trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng cuộc sống.



Trong bối cảnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngày càng trở thành động lực quan trọng của phát triển, việc chủ động nắm bắt cơ hội, đổi mới phương thức quản lý và tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội có ý nghĩa đặc biệt đối với mỗi địa phương. Đối với Hưng Yên, chuyển đổi số không chỉ là yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính mà còn là hướng đi chiến lược nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, khai thác hiệu quả các nguồn lực và tạo nền tảng cho phát triển nhanh, bền vững.

Trên cơ sở triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị cùng các chương trình, kế hoạch hành động của Chính phủ và Tỉnh ủy, ngày 13/7/2026, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch số 278/KH-UBND về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Kế hoạch xác lập định hướng phát triển tổng thể, hệ thống mục tiêu cụ thể và các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, tạo cơ sở để các cấp, các ngành tổ chức thực hiện chuyển đổi số đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh.

Từ định hướng chiến lược đến những mục tiêu cụ thể

Điểm xuyên suốt của Kế hoạch là xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là khâu đột phá, động lực chủ yếu trong đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành

của các cơ quan nhà nước; đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số bao trùm, an toàn, từng bước thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm dân cư.

Theo đó, Hưng Yên hướng tới xây dựng chính quyền số hoạt động dựa trên dữ liệu và công nghệ số; thúc đẩy kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng quan trọng; tạo lập môi trường số thuận lợi, an toàn cho người dân và doanh nghiệp. Quá trình chuyển đổi số được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh, ưu tiên những lĩnh vực có khả năng tạo chuyển biến rõ nét, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Trong đó, ba trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ. Chính quyền số tạo môi trường quản lý, điều hành minh bạch, hiệu quả; kinh tế số mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng suất; xã hội số giúp người dân tiếp cận thuận lợi hơn với các dịch vụ, tiện ích trên môi trường mạng. Sự kết nối giữa ba trụ cột sẽ góp phần tạo nên hệ sinh thái số thống nhất, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

Chính quyền số: Lấy dữ liệu làm nền tảng, lấy sự hài lòng làm thước đo

Một trong những trọng tâm của Kế hoạch là phát triển chính quyền số theo hướng hiện đại, thông minh, hoạt động dựa trên dữ liệu, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2026-2027, tỉnh đặt mục tiêu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình; 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước. Tỉnh cũng phấn đấu có 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Đây là những mục tiêu gắn trực tiếp với trải nghiệm của người sử dụng dịch vụ công. Khi các thủ tục được thực hiện trực tuyến toàn trình, dữ liệu được kết nối và thông tin đã cung cấp có thể



Thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính tại trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tây Thái Ninh



Niêm yết công khai thủ tục hành chính, hỗ trợ cá nhân, tổ chức tra cứu thông tin và sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tây Thái Ninh

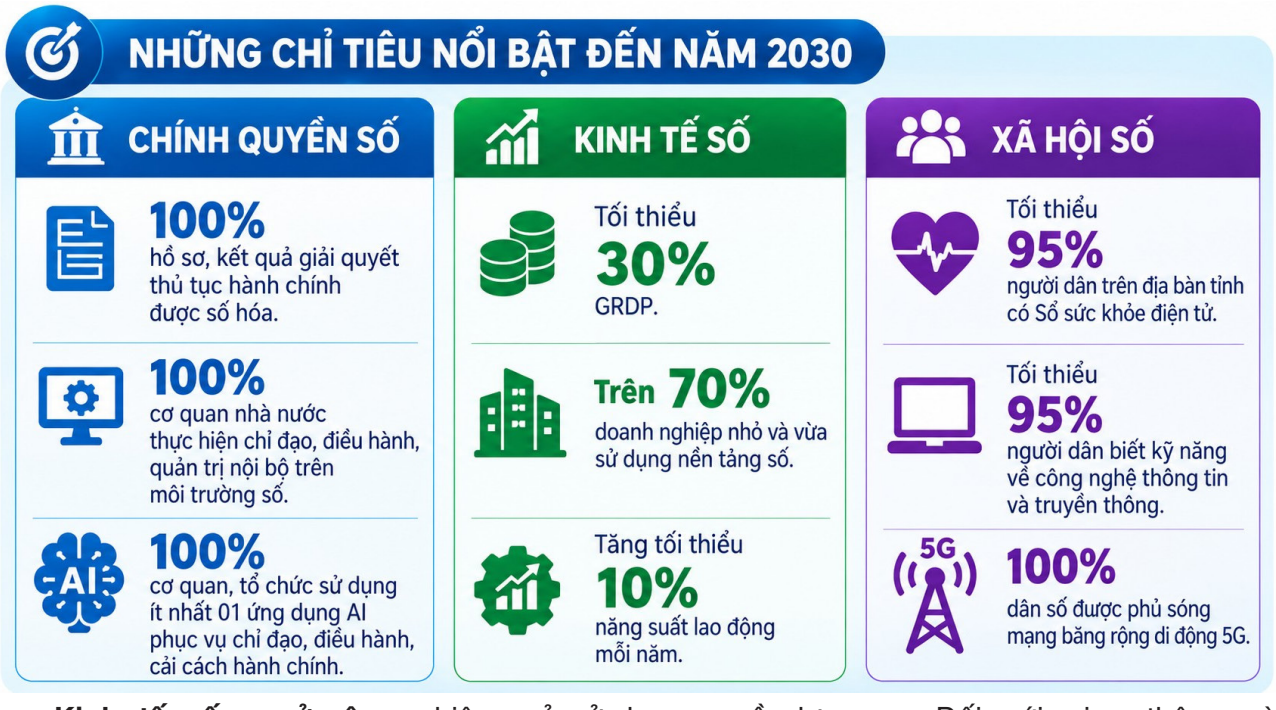
tái sử dụng, người dân, doanh nghiệp sẽ có thêm điều kiện tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại và giảm việc kê khai, nộp lại những giấy tờ đã có trong hệ thống.

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, yêu cầu đặt ra không chỉ là đưa thủ tục hành chính lên môi trường mạng mà còn phải rà soát, chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, nâng cao chất lượng xử lý và bảo đảm khả năng liên thông giữa các hệ thống. Công nghệ số chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi đi cùng với cải cách quy trình và thay đổi phương thức phục vụ.

Đặc biệt là việc đưa trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động cung cấp dịch vụ công và quản lý nhà nước. Trong giai đoạn 2026-2027, tỉnh đặt mục tiêu 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một khâu như tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động. Đến giai đoạn 2028-2030, mục tiêu được mở rộng tới 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình; đồng thời, 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai theo hướng chủ động, có AI hỗ trợ cá thể hóa thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng.

Cùng với đó, tỉnh đặt mục tiêu 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử, trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước; 100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo và 100% nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.

Kế hoạch cũng xác định việc đưa Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) tỉnh Hưng Yên vào hoạt động chính thức là một nhiệm vụ quan trọng. Trung tâm được định hướng ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, Internet vạn vật (IoT), mạng 5G; tích hợp các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành, phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Qua đó, hỗ trợ UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu, từng bước chuyển từ phương thức quản lý dựa nhiều vào báo cáo thủ công sang quản trị có khả năng phân tích và dự báo.



Kinh tế số - mở rộng không gian tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh

Theo Kế hoạch, Hưng Yên phấn đấu đưa tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 15% GRDP trong giai đoạn 2026-2027 và tối thiểu 30% GRDP trong giai đoạn 2028-2030. Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực tương ứng đạt tối thiểu 10% và 20%. Đến giai đoạn 2028-2030, tỉnh đặt mục tiêu năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 10%; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.

Để đạt được những mục tiêu này, chuyển đổi số cần đi sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, thay vì chỉ dừng lại ở việc sử dụng một số công cụ công nghệ riêng lẻ. Các nền tảng số có thể hỗ trợ doanh nghiệp quản trị nhân lực, tài chính, hàng hóa, khách hàng, chuỗi cung ứng và hoạt động bán hàng; qua đó giảm chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và mở rộng thị trường.

Kế hoạch đặt ra nhiệm vụ xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy nhanh chuyển đổi số; hỗ trợ cửa hàng, hộ kinh doanh và doanh nghiệp sử dụng nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh. Tỉnh cũng phấn đấu có 20% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong giai đoạn 2026-2027 và 50% trong giai đoạn 2028-2030.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, việc ứng dụng công nghệ và dữ liệu số được định hướng nhằm phát triển sản xuất thông minh, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử. Công nghệ số còn được sử dụng để quản lý, giám sát chất lượng nông sản, thủy sản, truy xuất nguồn gốc, dự báo thị trường và hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh, thiên tai.

Đối với giao thông và logistics, Kế hoạch chú trọng thúc đẩy chuyển đổi số trong khai thác hệ thống kho, bến, bãi phục vụ vận tải, đồng thời ứng dụng công nghệ số vào quản lý kết cấu hạ tầng giao thông. Trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và du lịch, các nhiệm vụ số hóa dữ liệu, phát triển nền tảng dùng chung, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa và ứng dụng công nghệ 3D, 4D để giới thiệu di tích lịch sử, văn hóa cũng mở ra những hướng tiếp cận mới.

Xã hội số: Để mọi người dân đều có cơ hội thụ hưởng

Chuyển đổi số chỉ thực sự có ý nghĩa khi người dân có thể tiếp cận, sử dụng và hưởng lợi từ các dịch vụ số trong đời sống hằng ngày. Vì vậy, cùng với phát triển chính quyền số và kinh tế số, Kế hoạch số 278/KH-UBND dành sự quan tâm đáng kể cho mục tiêu phát triển xã hội số, phổ cập kỹ năng số và thu hẹp khoảng cách số.



Trong giai đoạn 2026-2027, tỉnh phấn đấu tối thiểu 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác; tối thiểu 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; ít nhất 85% người dân có Sổ sức khỏe điện tử. Tỉnh cũng đặt mục tiêu tối thiểu 80% người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông, trên 85% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh và mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 100% dân số.

Đến giai đoạn 2028-2030, các chỉ tiêu tiếp tục được nâng lên: tối thiểu 95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác; tối thiểu 95% người dân có Sổ sức khỏe điện tử và biết kỹ năng về công nghệ thông tin, truyền thông; trên 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh. Tỉnh đồng thời hướng tới bảo đảm 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.

Để những mục tiêu này đi vào thực tế, Kế hoạch xác định cần tiếp tục triển khai phong trào "Bình dân học vụ số", cung cấp học liệu và khóa học trực tuyến mở, tổ chức đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và an toàn thông tin. Đặc biệt, vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng được nhấn mạnh trong việc hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số phổ biến, chữ ký số cá nhân và những tiện ích thiết yếu trên môi trường mạng.

Đây là lực lượng có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa công nghệ đến gần hơn với người dân, nhất là những người còn hạn chế về kỹ năng hoặc chưa quen với các phương thức giao dịch điện tử. Sự hỗ trợ trực tiếp, dễ hiểu, gắn với những nhu cầu cụ thể sẽ góp phần giúp người dân từng bước hình thành thói quen sử dụng dịch vụ số, chủ động hơn trong tiếp cận thông tin và giải quyết công việc.

Đồng bộ hạ tầng, dữ liệu, nhân lực và bảo đảm an toàn số

Để ba trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số phát triển đồng bộ, Kế hoạch xác định nhiều nhóm nhiệm vụ nền tảng, trong đó có phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nhân lực số, hoàn thiện thể chế và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Về hạ tầng, tỉnh định hướng xây dựng, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đạt chuẩn tối thiểu Tier 3, đáp ứng yêu cầu về điện toán đám mây, năng lực tính toán, lưu trữ và sao lưu tập trung. Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng, nền tảng họp trực tuyến và mạng 5G cũng

được chú trọng nâng cấp, mở rộng nhằm bảo đảm kết nối, liên thông, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Về dữ liệu, tỉnh tập trung số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; xây dựng, nâng cấp các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành theo nguyên tắc "Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung". Việc chuẩn hóa và tái sử dụng dữ liệu không chỉ giúp giảm giấy tờ, đơn giản hóa thủ tục mà còn tạo nền tảng cho phân tích, dự báo và ra quyết định dựa trên thông tin đáng tin cậy.

Kế hoạch cũng đặt mục tiêu từng bước nâng cao mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của tỉnh, đồng thời hướng tới kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin thông qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu. Đối với dữ liệu mở, tỉnh định hướng công bố các danh mục ưu tiên, xác định lộ trình và phương thức truy cập, khuyến khích khai thác, tái sử dụng dữ liệu để hình thành các sáng kiến đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ mới.

Song song với công nghệ và dữ liệu là yếu tố con người. Tỉnh đặt mục tiêu 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản trong giai đoạn 2026-2027; đồng thời chú trọng đào tạo về quản trị dữ liệu, phân tích và xử lý dữ liệu, ứng dụng AI cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân lực chuyên trách. Việc nâng cao tư duy chuyển đổi số cho đội ngũ lãnh đạo cũng được xác định là yêu cầu cần thiết để thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị từ bên trong.

Cùng với đó, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân là điều kiện xuyên suốt. Kế hoạch đặt mục tiêu 100% hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ. Công tác giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn thông tin, đánh giá rủi ro hệ thống và tăng cường kiểm soát truy cập được chú trọng nhằm bảo vệ hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân trên môi trường số.

Quyết tâm từ chỉ đạo đến hành động

Để bảo đảm Kế hoạch được triển khai hiệu quả, UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và định kỳ báo cáo kết quả; đồng thời phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hằng năm phù hợp với mục tiêu chung và yêu cầu thực tiễn. Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 của đơn vị, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý và định kỳ báo cáo tình hình triển khai.

Kế hoạch cũng nhấn mạnh trách nhiệm của người đứng đầu, yêu cầu tăng cường kiểm tra, giám sát, theo dõi tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trên môi trường điện tử. Cùng với nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp, tỉnh định hướng huy động các nguồn tài trợ, đầu tư hợp pháp khác, tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin và thúc đẩy hợp tác công - tư trong phát triển chuyển đổi số.

Với hệ thống mục tiêu rõ ràng, lộ trình theo từng giai đoạn và các nhóm giải pháp được xác định cụ thể, Kế hoạch số 278/KH-UBND là cơ sở quan trọng để Hưng Yên tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số một cách đồng bộ, có trọng tâm và hướng tới hiệu quả thực chất. Tuy nhiên, để các mục tiêu trở thành kết quả cụ thể, yếu tố quyết định vẫn là sự vào cuộc chủ động, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và khả năng tham gia, thụ hưởng của người dân.

Chuyển đổi số không chỉ là câu chuyện của công nghệ mà còn là quá trình đổi mới tư duy, phương thức quản lý, cách thức sản xuất, kinh doanh và nếp sống xã hội. Khi dữ liệu được khai thác hiệu quả, dịch vụ công ngày càng thuận tiện, doanh nghiệp mạnh dạn đổi mới và người dân có đủ kỹ năng để tham gia môi trường số, những giá trị mà chuyển đổi số mang lại sẽ ngày càng rõ nét. Đây chính là nền tảng để Hưng Yên phát huy tiềm năng, lợi thế, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo thêm động lực cho phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn 2026-2030.

THÀNH LẬP TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO THỰC CHẤT, HIỆU QUẢ

Định hướng hành động nào cho địa phương?

Hồng Thái

Được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025 và chính thức có hiệu lực từ ngày 1/10/2025, Luật Khoa học, công nghệ (KHCN) và đổi mới sáng tạo (ĐMST) số 93/2025/QH15 trở thành văn bản pháp lý nền tảng, góp phần thay đổi tư duy quản lý, đưa ĐMST đặt ngang hàng với KHCN, chuyển từ kiểm soát quy trình sang đo lường hiệu quả thực tiễn và chấp nhận rủi ro. Đặc biệt, kể từ đây, nhiều bệ phóng cho kỷ nguyên ĐMST được hình thành, trong đó có mô hình trung tâm ĐMST - một trong những yếu tố cốt lõi góp phần kiến tạo hệ sinh thái, mở lối cho hoạt động ĐMST nói riêng và thúc đẩy KHCN bứt phá nói chung.



Mô hình Trung tâm Đổi mới sáng tạo hiện đại, kết nối nghiên cứu, doanh nghiệp, đầu tư và thương mại hóa công nghệ

Ông Võ Xuân Hoài, Phó Giám đốc Trung tâm ĐMST Quốc gia, cho biết hiện nay trên thế giới, hệ thống trung tâm ĐMST có thể khái quát thành 2 nhóm mô hình chủ yếu. Thứ nhất là mô hình cụm/khu ĐMST quy mô lớn tập trung mật độ cao các thành phần của hệ sinh thái (doanh nghiệp, startup, quỹ đầu tư, viện nghiên cứu, nhân

lực chất lượng cao), hoạt động theo cơ chế thị trường dẫn dắt, liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể, có khả năng tạo hiệu ứng lan tỏa ĐMST ở quy mô quốc gia và toàn cầu. Ví dụ điển hình là: Silicon Valley (Hoa Kỳ), Shenzhen (Trung Quốc), Pangyo Techno Valley (Hàn Quốc), Tân Trúc (Đài Loan)... Thứ hai là mô hình trung tâm/tổ hợp không gian ĐMST được thiết kế để ươm tạo, hỗ trợ và kết nối các hoạt động ĐMST, tập trung vào các chức năng như: hỗ trợ khởi nghiệp, ươm tạo công nghệ, kết nối doanh nghiệp - chuyên gia - nhà đầu tư; thử nghiệm, trình diễn và chuyển giao công nghệ. Ví dụ điển hình là: Block 71 (Singapore), Cambridge Innovation Center, Plug and Play Tech Center (Hoa Kỳ), Level 39 (Vương quốc Anh), Toronto Mars Discovery District (Canada), True Digital Park (Thái Lan), Station (Pháp)...

Nhìn chung, các mô hình ĐMST thành công trên thế giới đều có điểm chung là sự kết nối chặt chẽ giữa các chủ thể trong hệ sinh thái, bao gồm Nhà nước - viện, trường - doanh nghiệp - nhà đầu tư. Đồng thời, các mô hình này lấy nhân tài làm trung tâm, phát huy vai trò nòng cốt của các trường đại học trong nghiên cứu, đào tạo và được hỗ trợ bởi các cơ chế, chính sách đặc thù của Nhà nước nhằm thúc đẩy các trung tâm ĐMST vận hành hiệu quả.

Tại Việt Nam, những năm gần đây, hệ thống trung tâm ĐMST cũng phát triển mạnh mẽ về số lượng và mạng lưới hỗ trợ trên toàn quốc. Ngoài Trung tâm ĐMST Quốc gia (NIC) do Thủ tướng Chính phủ thành lập với vai trò hạt nhân điều phối, còn có 2 trung tâm trực thuộc các cục của Bộ Công Thương và Bộ KHCN; khoảng 80 trung tâm thuộc mạng lưới ĐMST và khởi nghiệp sáng tạo của khối giáo dục đại học được NIC bảo trợ; các trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm ĐMST của các tập đoàn, doanh nghiệp thúc đẩy ứng dụng công nghệ; cùng các trung tâm tại địa phương như Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương.

Tuy nhiên, theo đánh giá, các trung tâm ĐMST mới được thành lập có quy mô còn nhỏ so với quốc tế, hoạt động phân tán và mức độ gắn kết giữa các chủ thể chưa cao. Một số trung tâm chủ yếu mới dừng ở hỗ trợ khởi nghiệp, lập nghiệp, chưa phát triển mạnh các hoạt động thúc đẩy tăng trưởng và thương mại hóa công nghệ; đồng thời số lượng doanh nghiệp chủ động hình thành trung tâm ĐMST còn hạn chế. Khoảng trống lớn hiện nay là thiếu một cơ chế điều phối hiệu quả để kết nối nguồn lực và tạo tác động quy mô lớn.

Trước thực trạng này, để chuyển từ mô hình phân tán sang mạng lưới trung tâm ĐMST quốc gia thống nhất, ông Võ Xuân Hoài, Phó Giám đốc Trung tâm ĐMST Quốc gia, cho rằng Việt Nam cần một hệ thống trung tâm ĐMST có kiến trúc đa tầng, phân vai rõ ràng. Theo ông, hệ thống hiệu quả cần được thiết kế theo 4 khu vực: Khu vực quốc gia định hướng chiến lược, thiết kế chính sách, sandbox, kết nối quốc tế và công nghệ nguồn, đồng thời điều phối mạng lưới trung tâm. Khu vực bộ, ngành đầu tư phát triển công nghệ chiến lược của ngành (như sản xuất thông minh trong lĩnh vực Công Thương, công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế...), gắn với các bài toán cụ thể của từng ngành. Khu vực địa phương gắn với lợi thế vùng, tập trung thu hút doanh nghiệp và thử nghiệm mô hình mới. Khu vực viện, trường đại học và doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, ươm tạo, chuyển giao công nghệ; thử nghiệm, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ; đồng thời đặt bài toán, dẫn dắt nhu cầu thị trường và đầu tư.

Để vận hành hiệu quả, cơ chế, chính sách cần tập trung vào 6 trụ cột chính. Thứ

nhất là thể chế và cơ chế thử nghiệm, cần xây dựng khung pháp lý mô hình mới, thiết lập Sandbox lĩnh vực trọng điểm, rút ngắn thử nghiệm và thương mại hóa. Thứ hai là dữ liệu và hạ tầng kết nối, cần tập trung phát triển hạ tầng dữ liệu, thúc đẩy chia sẻ, khai thác dữ liệu, đặc biệt là xây dựng nền tảng kết nối ĐMST. Thứ ba là phát triển nguồn nhân lực, phải có cơ chế thu hút, sử dụng nhân tài, tuyển dụng và đãi ngộ linh hoạt, đồng thời tăng cường liên kết đào tạo - doanh nghiệp. Thứ tư là trụ cột tài chính và huy động nguồn lực, xác định ngân sách nhà nước làm vốn mồi, coi trọng ưu đãi và hỗ trợ tài chính ĐMST bên cạnh việc khuyến khích quỹ đầu tư mạo hiểm. Trụ cột thứ năm là hợp tác công - tư (PPP), nên triển khai dự án theo mô hình PPP nhằm khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, đồng thời đặt hàng đầu tư và thương mại hóa. Trụ cột thứ sáu là kết nối hệ sinh thái ĐMST thông qua việc liên kết các trung tâm, viện, trường và chuyên gia; kết nối mạng lưới trong nước và quốc tế; đồng thời thúc đẩy ĐMST mở và tôn trọng quan hệ cung - cầu công nghệ.

Vậy định hướng hành động nào cho các địa phương? Ông Võ Xuân Hoài, Phó Giám đốc Trung tâm ĐMST Quốc gia, chia sẻ: Mỗi địa phương cần định hướng và xác định mô hình trung tâm phù hợp theo hướng thực chất, có trọng tâm, gắn với nhu cầu phát triển, thay vì đầu tư hình thức, theo phong trào hoặc dàn trải. Việc xây dựng mô hình trung tâm ĐMST cần xuất phát từ bài toán phát triển của địa phương, không phải từ hạ tầng. Do đó, cần lựa chọn 3 - 5 ngành, lĩnh vực ưu tiên và các bài toán lớn cần giải quyết. Cần lựa chọn mô hình trung tâm phù hợp với điều kiện thực tiễn; trong đó, có thể xem xét các mô hình tổ chức như: Mô hình đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh hoặc cấp Sở, bảo đảm vai trò điều phối, triển khai chính sách; Mô hình hợp tác công tư (PPP) kết hợp nguồn lực nhà nước và doanh nghiệp; Mô hình do doanh nghiệp hoặc khu vực tư nhân dẫn dắt, gắn với nhu cầu thị trường.

Cũng theo ông Võ Xuân Hoài, các địa phương cần ưu tiên nguồn lực cho những yếu tố cốt lõi, phát triển doanh nghiệp nòng cốt và các bài toán ứng dụng cụ thể, xây dựng đội ngũ vận hành chuyên nghiệp. Đồng thời, cần tăng cường kết nối với hệ sinh thái ĐMST quốc gia thông qua việc tham gia các chương trình ĐMST mở, chuyển giao công nghệ; kết nối với các quỹ đầu tư, chuyên gia và doanh nghiệp lớn. Bên cạnh đó, cần triển khai theo lộ trình phù hợp, từng bước mở rộng: Giai đoạn 1 (1 - 2 năm) xác định chiến lược, thí điểm mô hình nhỏ, linh hoạt; Giai đoạn 2 (3 - 5 năm) mở rộng quy mô, thu hút doanh nghiệp và nguồn lực đầu tư; Giai đoạn 3 (trên 5 năm) trở thành nút quan trọng trong mạng lưới ĐMST quốc gia và quốc tế.

Tại buổi lễ hưởng ứng Ngày hội ĐMST quốc gia, Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số, đã yêu cầu mỗi bộ, ngành, địa phương phấn đấu hình thành ít nhất một trung tâm ĐMST liên thông với mạng lưới các khu nghiên cứu ươm tạo, tăng tốc sàn giao dịch công nghệ, hệ sinh thái đầy đủ mắt xích, nguồn ý tưởng, cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm chuẩn hóa... và đặc biệt là đầu ra thị trường trong nước, quốc tế và khu vực. Thực hiện thành công mục tiêu này, cùng với việc "làm nhanh - làm đúng, làm đến nơi đến chốn" các nhiệm vụ trọng tâm, sẽ góp phần đưa ĐMST cùng với KHCN và chuyển đổi số thực sự trở thành đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để đổi mới mô hình, hiện thực hóa các mục tiêu phát triển và nâng tầm vị thế dân tộc trong kỷ nguyên mới.

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

TS. Trần Thế Quang
Trường Đại học Thái Bình



Giảng viên Trường Đại học Thái Bình tập huấn bồi dưỡng kiến thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025

Đổi mới sáng tạo - yêu cầu tất yếu đối với đội ngũ giảng viên

Trong những năm gần đây, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi xanh và xu hướng hội nhập quốc tế đang làm thay đổi đáng kể phương thức hoạt động, đào tạo và nghiên cứu của các trường đại học. Trong bối cảnh đó, đổi mới sáng tạo không còn là hoạt động mang tính bổ trợ, mà ngày càng trở thành một trong những yếu tố quyết định chất lượng và vị thế của mỗi cơ sở giáo dục đại học.

Đối với Trường Đại học Thái Bình (TBU), phát triển năng lực đổi mới sáng tạo cho đội ngũ giảng viên là yêu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Đây không chỉ là vấn đề nâng cao chất lượng giảng dạy hay gia tăng số lượng, chất lượng công bố khoa học, mà còn liên quan trực tiếp đến khả năng kết nối với doanh nghiệp, chuyển giao công nghệ và đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đội ngũ giảng viên là lực lượng trung tâm trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường. Họ vừa là những người truyền đạt tri thức, vừa trực tiếp tham gia tạo ra tri thức mới. Vì vậy, khi đội ngũ giảng viên có năng lực đổi mới sáng tạo tốt, nhà trường sẽ có thêm động lực để phát triển theo hướng hiện đại, gắn với thực tiễn và hội nhập quốc tế.

Nền tảng và những điểm nghẽn cần tháo gỡ

Hiện nay, TBU có khoảng 136 giảng viên, trong đó 100% đạt trình độ thạc sĩ trở lên, gồm 24 tiến sĩ và 03 phó giáo sư. Đội ngũ giảng viên được đào tạo ở nhiều chuyên ngành như cơ khí chế tạo máy, công nghệ thông tin, công nghệ ô tô, kỹ thuật điện - điện tử, quản trị kinh doanh, kế toán - kiểm toán, ngân hàng, quan hệ quốc tế,



Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ góp phần phát triển năng lực đổi mới sáng tạo của đội ngũ giảng viên Trường Đại học Thái Bình

luật và khoa học xã hội. Sự đa dạng về chuyên môn là điều kiện thuận lợi để nhà trường phát triển các hướng nghiên cứu đa ngành, liên ngành và nghiên cứu ứng dụng.

Những năm gần đây, hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực. TBU hiện có 18 nhóm nghiên cứu, triển khai nhiều đề tài cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp trường và có hàng trăm công bố khoa học trong nước, quốc tế hằng năm. Đây là nền tảng quan trọng để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong nhà trường.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, năng lực đổi mới sáng tạo của đội ngũ giảng viên vẫn đứng trước không ít khó khăn. Một bộ phận giảng viên chưa thực sự chủ động tiếp cận công nghệ mới hoặc các phương pháp nghiên cứu hiện đại. Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ nghiên cứu ở một số ngành kỹ thuật còn thiếu và chưa đồng bộ; nguồn lực tài chính dành cho nghiên cứu và đổi mới sáng tạo còn hạn chế.

Đáng chú ý, hoạt động hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thiết kế, cải tiến dây chuyền sản xuất và đào tạo gắn với thực tiễn vẫn chưa phát huy hết tiềm năng. Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, đồng thời hạn chế cơ hội để giảng viên nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo thông qua việc giải quyết những vấn đề thực tế của doanh nghiệp.

Đồng bộ các giải pháp phát triển năng lực đổi mới sáng tạo

Nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng đổi mới sáng tạo

Trước hết, nhà trường cần thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy hiện đại, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, tạo điều kiện để giảng viên tham gia các tọa đàm, hội thảo và hoạt động giao lưu học thuật với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Qua đó, giảng viên có thể cập nhật tri thức mới, nâng cao năng lực chuyên môn và mở rộng các mối quan hệ, kết nối học thuật.

Cùng với đó, cần chú trọng bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ số, AI, mô phỏng số (thực nghiệm máy tính) và phân tích dữ liệu. Đây là những công cụ đang tác động mạnh đến hoạt động nghiên cứu và đào tạo,

nếu được khai thác phù hợp sẽ hỗ trợ hiệu quả cho giảng viên trong cả giảng dạy và nghiên cứu.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ

Nhà trường cần tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, hỗ trợ công bố quốc tế và khuyến khích hình thành các nhóm nghiên cứu liên ngành. Các đề tài nghiên cứu cần hướng nhiều hơn đến tính ứng dụng thực tiễn, phục vụ những nhu cầu cụ thể của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đặc biệt, cần mở rộng hợp tác với doanh nghiệp trong tỉnh và khu vực để cùng nghiên cứu, cải tiến công nghệ, thiết kế và tối ưu dây chuyền sản xuất. Thông qua những hoạt động này, giảng viên có cơ hội tiếp cận thực tiễn, đồng thời tham gia giải quyết các bài toán kỹ thuật đặt ra từ sản xuất và kinh doanh.

Bên cạnh nghiên cứu, cần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật và hợp tác đào tạo. Đây là những hoạt động có khả năng tạo sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học với nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Xây dựng môi trường học thuật sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số

Môi trường học thuật có ảnh hưởng lớn đến tinh thần và khả năng đổi mới sáng tạo của giảng viên. Vì vậy, nhà trường cần xây dựng không gian nghiên cứu mở, tăng cường các thảo luận học thuật, diễn đàn trao đổi chuyên môn và hoạt động nghiên cứu liên ngành.

Cùng với đó, cần đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy và nghiên cứu; phát triển hệ thống học liệu số, cơ sở dữ liệu nghiên cứu và nền tảng học tập trực tuyến. Những nền tảng này sẽ giúp giảng viên tiếp cận tri thức nhanh hơn, thuận lợi hơn, đồng thời tăng khả năng kết nối và chia sẻ học thuật.

Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp

Sự gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp cần được thúc đẩy theo hướng thực chất hơn. Hợp tác không nên chỉ dừng lại ở việc ký kết mà cần được cụ thể hóa bằng các hoạt động như nghiên cứu ứng dụng, cải tiến công nghệ, phát triển sản phẩm mới, hỗ trợ chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trong sản xuất.

Nhà trường cũng cần xây dựng chương trình đào tạo mở, tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo thông qua hoạt động thực tập, hướng dẫn đồ án, góp ý chương trình và phối hợp tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Khi giảng viên cùng tham gia các hoạt động thực tiễn với doanh nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo sẽ được nâng cao rõ rệt. Đồng thời, chất lượng đào tạo và nghiên cứu của nhà trường cũng được cải thiện, gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và khuyến khích

Để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, cần xây dựng cơ chế phù hợp và đủ mạnh nhằm tạo động lực cho đội ngũ giảng viên. Nhà trường nên có chính sách hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, khuyến khích công bố quốc tế và khen thưởng đối với những sản phẩm khoa học có giá trị học thuật cao, đồng thời có khả năng ứng dụng trong thực tiễn.

Các tiêu chí về đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và sản phẩm nghiên cứu khoa học cũng cần được đưa vào hệ thống đánh giá thi đua, xét thăng hạng, bổ nhiệm chức danh và quy hoạch cán bộ. Đây sẽ là nguồn động lực quan trọng, mở ra cơ hội phát triển nghề nghiệp, qua đó khuyến khích giảng viên tham gia tích cực hơn vào các hoạt động đổi mới sáng tạo.

Tạo động lực từ chính đội ngũ giảng viên

Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo cho đội ngũ giảng viên là yêu cầu cấp thiết đối với TBU trong giai đoạn hiện nay. Đây không chỉ là giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, mà còn góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tăng cường liên kết với doanh nghiệp và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên.

Với việc triển khai đồng bộ các giải pháp về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số và tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, TBU có đầy đủ điều kiện để từng bước xây dựng môi trường học thuật hiện đại, năng động và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong giai đoạn phát triển mới.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH LÃNH ĐẠO SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HƯNG YÊN THAM DỰ CÁC SỰ KIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Đ/c Thái Thị Thu Hường, TUV, Giám đốc Sở KH&CN tại Lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác giữa Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên và Đại học Bách khoa Hà Nội giai đoạn 2026-2031



Đ/c Đỗ Đình Quang, Phó Giám đốc Sở KH&CN tại Hội thảo chuyên đề với chủ đề "Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bảo đảm an toàn dữ liệu và an ninh di cư và dân cư"



Đ/c Nguyễn Xuân Hải, Phó Giám đốc Sở KH&CN tại Hội thảo khoa học với chủ đề: "Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo bảo đảm an ninh phi truyền thống trong kỷ nguyên số"



Đ/c Nguyễn Thái Kiều Ngân, Phó Giám đốc Sở KH&CN tại Hội thảo góp ý hoàn thiện Đề án "Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045"



Đ/c Vũ Xuân Thành, Phó Giám đốc Sở KH&CN tại Hội nghị đánh giá hoạt động viễn thông 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026

Đ/c Nguyễn Thị Hồng Thái, Phó Giám đốc Sở KH&CN tại Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về sở hữu trí tuệ năm 2026



KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: ĐỘNG LỰC MỚI TRONG HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN HƯNG YÊN

Minh Ngọc

Sau một năm vận hành trong không gian phát triển mới, Hưng Yên đang chứng kiến những chuyển biến rõ nét từ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Không chỉ xuất hiện trong các phòng nghiên cứu hay nhà máy hiện đại, công nghệ đã đi vào đồng ruộng, bệnh viện, cơ quan hành chính và từng hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, trở thành động lực quan trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng của địa phương.

Một năm trước, khi Hưng Yên bước vào giai đoạn phát triển mới sau sáp nhập, nhiều người đặt câu hỏi: Điều gì sẽ tạo nên sức bật cho một tỉnh có quy mô lớn hơn, dân số đông hơn và yêu cầu quản trị cao hơn?

Đến hôm nay, câu trả lời dần hiện rõ. Đó là khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số - ba trụ cột đang từng bước thay đổi cách quản lý, cách sản xuất và cả cách người dân tiếp cận các dịch vụ công.

Điều đáng mừng là những chuyển động ấy không còn dừng ở khẩu hiệu. Chúng đang hiện hữu bằng những kết quả cụ thể.

Hạ tầng số tạo nền móng cho quản trị hiện đại

Chuyển đổi số chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi có hạ tầng đồng bộ. Đây cũng là một trong những lĩnh vực Hưng Yên tập trung đầu tư trong thời gian qua.

Đến nay, 100% xã, phường đã được phủ sóng cáp quang, 3G, 4G; tỷ lệ phủ sóng 5G đạt trên 60%. Toàn tỉnh vận hành 8 nền tảng số dùng chung và 85 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt gần 96%. Mỗi ngày có hàng nghìn văn bản điện tử được xử lý qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

Những con số ấy phản ánh một thay đổi quan trọng: bộ máy hành chính đang dần chuyển từ xử lý thủ công sang quản trị dựa trên dữ liệu và môi trường số.

Cùng với đó, ngành khoa học và công nghệ đã tham mưu triển khai 86 nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh, thẩm định 188 dự án đầu tư có yếu tố công nghệ và tổ chức 44 hội đồng tư vấn khoa học, góp phần nâng cao chất lượng các dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Doanh nghiệp đổi mới từ chính dây chuyền sản xuất

Nếu hạ tầng số là nền móng thì doanh nghiệp chính là nơi công nghệ tạo ra giá trị rõ nhất.

Tại nhiều khu công nghiệp của Hưng Yên, các doanh nghiệp đã chủ động ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và tự động hóa vào sản xuất. Không ít nhà máy đã xây dựng hệ thống giám sát theo thời gian thực, giúp theo dõi chất lượng sản phẩm, tối ưu vận hành và giảm chi phí sản xuất.

Một ví dụ tiêu biểu là Công ty TNHH Dệt sợi Hương Sen. Doanh nghiệp không chỉ đầu tư thiết bị hiện đại mà còn từng bước xây dựng mô hình "nhà máy thông minh", trong đó dữ liệu được sử dụng để hỗ trợ quản trị sản xuất, kiểm soát chất lượng và điều hành doanh nghiệp.

Ở lĩnh vực công nghệ sinh học, AVAC Việt Nam đã đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ vaccine thú y cùng nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn quốc tế WHO-GMP. Sự đồng hành của ngành khoa học và công nghệ trong tư vấn công nghệ, chuyển giao và sở hữu trí tuệ đã góp phần giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Đó là minh chứng cho thấy đổi mới sáng tạo không chỉ dành cho các doanh nghiệp công nghệ, mà đang trở thành nhu cầu tự thân của doanh nghiệp sản xuất.

Công nghệ về với đồng ruộng

Một trong những điểm sáng của Hưng Yên là việc đưa tiến bộ khoa học vào nông nghiệp.

Từ cây trồng, vật nuôi đến thủy sản, nhiều mô hình đã ứng dụng công nghệ số để nâng cao năng suất và chất lượng. Hàng trăm hợp tác xã, doanh nghiệp và hộ sản xuất sử dụng tem QR truy xuất nguồn gốc; nhiều cơ sở chăn nuôi áp dụng phần mềm quản lý đàn; các vùng nuôi thủy sản công nghệ cao tiếp tục được mở rộng. Toàn tỉnh hiện có 70 mã số vùng trồng, trong đó 41 mã phục vụ xuất khẩu sang các thị trường lớn như Nhật Bản, Hoa Kỳ và Australia.

HTX An Thịnh Phát là một trong những mô hình tiêu biểu. Với 10 nhà màng rộng 12.000 m^2, hệ thống tưới nhỏ giọt tự động, quản lý sinh học và mã QR truy xuất nguồn gốc, HTX đã xây dựng thành công các sản phẩm OCOP có giá trị cao, mở rộng đầu ra ổn định cho nông sản địa phương.

Trong khi đó, HTX Nấm sạch Việt Tú mạnh dạn đầu tư dây chuyền tự động, cảm biến nhiệt độ, độ ẩm và công nghệ sấy hiện đại để phát triển các dòng nấm dược liệu chất lượng cao. Từ một mô hình sản xuất nhỏ, đơn vị đã đưa sản phẩm đến hơn 20 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Những mô hình ấy cho thấy khoa học và công nghệ đang giúp nông nghiệp Hưng Yên chuyển từ sản xuất theo kinh nghiệm sang sản xuất dựa trên dữ liệu và tiêu chuẩn.

Người dân được hưởng lợi từ chuyển đổi số

Giá trị của công nghệ không chỉ nằm ở tăng trưởng kinh tế mà còn ở chất lượng phục vụ người dân.

Tại Bệnh viện Đa khoa Thái Bình, người bệnh có thể sử dụng căn cước gắn chip để làm thủ tục khám chữa bệnh, tra cứu kết quả xét nghiệm và thanh toán bằng mã QR. Bệnh án điện tử cùng hệ thống AI hỗ trợ phân tích dữ liệu giúp bác sĩ rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả điều trị.

Ở Bệnh viện Đa khoa Hưng Yên, hồ sơ bệnh án điện tử cũng được triển khai đồng bộ, tạo thuận lợi trong quản lý thông tin, kết nối dữ liệu với bảo hiểm y tế và giảm đáng kể các thủ tục giấy tờ cho người bệnh.

Không chỉ trong y tế, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Phố Hiến, robot AI đã được đưa vào hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính. Nhiều điểm hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến tại khu dân cư cũng được hình thành, giúp người dân tiếp cận các dịch vụ số ngay tại địa phương.

Đó là những thay đổi nhỏ nhưng thiết thực, khiến chuyển đổi số trở nên gần gũi hơn với cuộc sống hằng ngày.

Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Bên cạnh các kết quả trước mắt, Hưng Yên đang hướng tới mục tiêu dài hạn là hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

Theo định hướng của tỉnh, giai đoạn 2026 - 2030 sẽ tập trung phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, đồng thời tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu và các trường đại học. Mục tiêu đến năm 2030 có ít nhất 50% doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thực chất và từng bước nâng vị thế của Hưng Yên trong nhóm địa phương dẫn đầu về chỉ số đổi mới sáng tạo.

Có thể thấy, khoa học và công nghệ ở Hưng Yên đang chuyển từ "hỗ trợ phát triển" sang "dẫn dắt phát triển". Đó không phải là những điều quá xa vời, mà bắt đầu từ những việc rất cụ thể: một nhà máy quản trị bằng dữ liệu, một hợp tác xã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, một bệnh viện sử dụng AI hay một người dân hoàn thành thủ tục hành chính ngay trên môi trường số.

Chính những đổi thay ấy đang góp phần tạo nên diện mạo của một Hưng Yên hiện đại, năng động và phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ THÁI BÌNH: HÀNH TRÌNH TỪ NHẬN THỨC ĐẾN HÀNH ĐỘNG

ThS. Trần Quốc Bảo
Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình



Bệnh viện Đa khoa Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình được đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại, đáp ứng song hành đào tạo gắn với thực hành

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định chuyển đổi số là một trong những động lực then chốt để nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả vận hành của các cơ quan, đơn vị. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là những trường đào tạo nhân lực y tế, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết bởi tính đặc thù của hoạt động đào tạo đòi hỏi công tác quản lý phải chính xác, kịp thời, đồng thời có khả năng kết nối nhiều bên liên quan.

Tại Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình, hành trình chuyển đổi số không bắt đầu từ một đề án tổng thể được hoạch định hoàn chỉnh ngay từ đầu. Thay vào đó, quá trình này được hình thành từ chính những yêu cầu của thực tiễn vận hành: giải quyết từng bài toán quản lý cụ thể, cấp thiết bằng công nghệ. Từ những giải pháp ban đầu mang tính đơn lẻ, nhà trường từng bước chuyển dịch tư duy, tiến tới xây dựng một hệ sinh thái số đồng bộ, lấy dữ liệu làm nền tảng và người sử dụng làm trung tâm.

Từ nhận thức: Động lực bắt nguồn từ thực tiễn

Nhận thức về chuyển đổi số tại các tổ chức thường được hình thành theo hai hướng: từ một chiến lược được hoạch định từ trên xuống hoặc từ nhu cầu giải quyết những khó khăn cụ thể nảy sinh trong quá trình vận hành. Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình đã đi theo hướng thứ hai.

Khối lượng công việc trong quản lý đào tạo ngày càng lớn đặt ra những yêu cầu mà phương thức thủ công truyền thống khó có thể đáp ứng về tốc độ, độ chính xác và khả năng giám sát. Chính áp lực từ thực tiễn đã trở thành động lực thúc đẩy cán bộ, giảng viên chủ động ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc, từng bước hình thành nhận thức về vai trò của công nghệ trong quản trị nhà trường.

Điều đáng chú ý là quá trình này không diễn ra theo cách "chờ đủ điều kiện mới chuyển đổi", mà bắt đầu từ những vấn đề cụ thể cần được giải quyết. Mỗi một bài toán được xử lý bằng công nghệ lại tạo thêm một trải nghiệm mới, giúp đội ngũ cán bộ, giảng viên nhận thấy rõ hơn hiệu quả của chuyển đổi số. Từ đó, nhận thức dần được nâng lên thành tư duy và định hướng hành động.

Hành động giai đoạn đầu: Giải quyết từng bài toán cụ thể

Ở giai đoạn đầu, chuyển đổi số tại nhà trường được thể hiện qua việc xây dựng các hệ thống, phần mềm chuyên biệt nhằm giải quyết những yêu cầu quản lý cụ thể.

Cổng thông tin điện tử nhà trường trở thành kênh thông tin chính thức, công khai biểu mẫu, quy chế và các thông tin cần thiết, giúp sinh viên tiếp cận thông tin thuận lợi, minh bạch.

Phần mềm Sổ lên lớp điện tử giúp Ban Giám hiệu và các phòng chức năng theo dõi tình hình chuyên cần của sinh viên theo thời gian thực, thay thế phương thức tổng hợp sổ sách thủ công vốn mất nhiều thời gian và dễ phát sinh sai sót.

Hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS) mở rộng không gian học tập, cung cấp các khóa học cho nhiều ngành đào tạo, tạo điều kiện để người học tiếp cận kiến thức linh hoạt hơn.

Đối với đặc thù đào tạo nhân lực y tế, phần mềm Nhật ký lâm sàng điện tử được tích hợp trên hệ thống đào tạo trực tuyến, giúp ghi nhận, theo dõi và đánh giá quá trình thực tập tại bệnh viện của sinh viên.

Bên cạnh đó, phần mềm quản lý thi lại, học lại tự động hóa quy trình đăng ký, học bù trên môi trường mạng, góp phần giảm tải công việc hành chính cho cán bộ phòng đào tạo.

Những giải pháp ban đầu được triển khai tương đối độc lập nhưng đã tạo ra những hiệu quả thiết thực. Quan trọng hơn, quá trình này đặt nền móng cho sự thay đổi về nhận thức trong đội ngũ cán bộ, giảng viên: công nghệ không còn chỉ là công cụ hỗ trợ, mà từng bước trở thành một thành tố của phương thức quản trị nhà trường.

Bước ngoặt nhận thức: Từ những giải pháp đơn lẻ đến hệ sinh thái số

Sau một thời gian vận hành, những hệ thống riêng lẻ cũng bộc lộ những hạn chế. Dữ liệu chưa được liên thông, mỗi hệ thống gần như tồn tại như một "ốc đảo thông tin" độc lập; khả năng mở rộng còn hạn chế, trong khi người sử dụng phải thao tác trên nhiều tài khoản và nhiều giao diện khác nhau đối với những nghiệp vụ có mối liên hệ chặt chẽ.

Nếu như trước đó, chuyển đổi số được nhìn nhận chủ yếu là việc ứng dụng một số phần mềm để giải quyết những công việc cụ thể, thì ở giai đoạn tiếp theo, nhà trường xác lập tầm nhìn xây dựng một hệ sinh thái số đồng bộ, nhất quán, trong đó các hệ thống có khả năng kết nối và chia sẻ dữ liệu trên một nền tảng chung.

Từ đây, chuyển đổi số tại Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình chuyển từ cách tiếp cận giải quyết từng phần sang tư duy xây dựng một hệ thống tổng thể, có khả năng liên thông, mở rộng và phục vụ tốt hơn nhu cầu của cán bộ, giảng viên, sinh viên và các bên liên quan.

Hành động chiến lược: Từng bước hình thành hệ sinh thái số

Trên nền tảng nhận thức mới, Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình đã và đang triển khai hệ sinh thái số với các phân hệ có mối quan hệ bổ trợ, liên kết chặt chẽ.



Sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình trong giờ học lý thuyết

Trước hết là Hệ thống quản lý nhà trường trực tuyến, phục vụ nhiều nghiệp vụ từ điểm danh cuộc họp, điểm danh sinh viên bằng mã QR đến tổ chức chấm thi giảng viên giỏi, sinh viên giỏi trực tuyến; quản lý thu học phí trực tuyến, kết nối với cơ quan thuế để xuất hóa đơn điện tử; xây dựng ngân hàng câu hỏi và đề thi dùng chung.

Tuyển sinh số hiện đại hóa toàn bộ quy trình từ đăng ký, theo dõi hồ sơ, nhập học đến thanh toán lệ phí qua mã QR. Đáng chú ý, hệ thống nhập học trực tuyến giúp giảm khoảng 80-90% thời gian nhập liệu, tổng hợp báo cáo thủ công, đồng thời nâng cao trải nghiệm của thí sinh và phụ huynh.

Thư viện điện tử từng bước hình thành kho học liệu số có hệ thống, giúp giảng viên và sinh viên tra cứu giáo trình, bài giảng nhanh chóng, thuận tiện, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

Hệ thống quản lý và tra cứu văn bằng, chứng chỉ trực tuyến góp phần bảo đảm an toàn, minh bạch trong cấp phát văn bằng; đồng thời cung cấp công cụ để đơn vị tuyển dụng, cơ quan chức năng xác thực văn bằng nhanh chóng, góp phần phòng ngừa tình trạng làm giả văn bằng.

Cổng giảng viên được xây dựng như một không gian làm việc số dành cho đội ngũ giảng viên, hỗ trợ quản lý lịch giảng dạy, danh sách lớp học phần, cập nhật điểm thành phần, điểm thi, tải lên học liệu và gửi thông báo tới sinh viên.

Trong khi đó, Cổng sinh viên cung cấp một kênh thông tin được cá nhân hóa, cho phép sinh viên theo dõi lịch học, lịch thi, kết quả học tập; đăng ký môn học, tín chỉ; tra cứu, thanh toán học phí trực tuyến và gửi yêu cầu qua dịch vụ một cửa tích hợp.

Nhìn trên tổng thể, sáu phân hệ không còn được xem như những phần mềm độc lập. Các hệ thống được thiết kế hướng tới việc chia sẻ một nền tảng dữ liệu dùng chung.

Từ "số hóa từng phần" đến "hệ sinh thái số"

Sự chuyển dịch trong cách tiếp cận của nhà trường có thể nhìn thấy rõ qua bốn phương diện: cách thức triển khai, mức độ liên thông dữ liệu, trải nghiệm người dùng và khả năng mở rộng.

Ở giai đoạn đầu, nhà trường chủ yếu giải quyết từng bài toán quản lý riêng lẻ theo nhu cầu phát sinh. Các hệ thống vận hành độc lập, dữ liệu liên thông hạn chế, người sử dụng phải thao tác trên nhiều tài khoản và giao diện khác nhau. Khi chuyển sang mô hình hệ sinh thái số, các hệ thống được hoạch định đồng bộ trên nền tảng dữ liệu chung; dữ liệu được chia sẻ giữa các phân hệ, người dùng có cổng truy cập phù hợp với từng nhóm đối tượng và hệ thống được thiết kế theo hướng mô-đun, sẵn sàng tích hợp thêm nghiệp vụ mới.

Như vậy, chuyển đổi số không đơn thuần là đưa một quy trình lên môi trường mạng. Giá trị lớn hơn nằm ở việc tổ chức lại cách thức vận hành, kết nối dữ liệu và tạo ra trải nghiệm thống nhất cho người sử dụng.

Những con số từ thực tiễn vận hành

Một trong những điểm đáng chú ý của quá trình chuyển đổi số tại Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình là nhà trường không chỉ dừng ở việc xây dựng hệ thống, mà đã bước đầu lượng hóa kết quả

vận hành.

Theo số liệu được trích xuất trực tiếp từ các hệ thống đang hoạt động tại thời điểm tháng 6/2026, Hệ thống quản lý nhà trường trực tuyến đang quản lý 18 khóa học, 67 lớp học, 2.133 sinh viên và 143 giảng viên. Đối với Hệ thống quản lý văn bằng, chứng chỉ, có 92 quyết định công nhận tốt nghiệp, 1.224 văn bằng được quản lý và 287 lượt tra cứu trực tuyến. Trong khi đó, Thư viện điện tử có 2.046 người dùng, 309 tài liệu số và ghi nhận 10.751 lượt xem tài liệu.

Những con số này cho thấy hệ sinh thái số đã từng bước chuyển từ một tập hợp các giải pháp công nghệ sang một môi trường vận hành thực tế, có người dùng, có dữ liệu và có khả năng tạo ra giá trị cụ thể.

Tự chủ công nghệ - yếu tố tạo nên tính bền vững

Một điểm đặc biệt trong mô hình của Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình là năng lực tự chủ công nghệ. Trong toàn bộ hệ sinh thái số, chỉ có hệ thống LMS sử dụng nền tảng mã nguồn mở Moodle có tùy biến; các hệ thống còn lại do cán bộ của nhà trường trực tiếp thiết kế và phát triển.

Cách làm này mang lại nhiều giá trị. Trước hết là góp phần giảm chi phí đầu tư và duy trì hệ thống trong dài hạn. Quan trọng hơn, đội ngũ kỹ thuật nội bộ có thể chủ động điều chỉnh phần mềm theo yêu cầu thực tế của công tác đào tạo y tế, đồng thời từng bước nâng cao khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các phân hệ.

Từ hiệu quả vận hành đến giá trị của một mô hình

Bên cạnh những chỉ số có thể đo đếm, hệ sinh thái số còn tạo ra những giá trị khó lượng hóa nhưng có ý nghĩa trực tiếp đối với hoạt động quản trị. Việc kết nối hóa đơn điện tử với thanh toán qua mã QR góp phần giảm sai sót trong thu, chi và tăng tính minh bạch. Sinh viên, phụ huynh và giảng viên được tiếp cận môi trường số thuận tiện hơn, qua đó góp phần cải thiện trải nghiệm người dùng và xây dựng hình ảnh một cơ sở giáo dục hiện đại, chủ động trong cải cách hành chính.

Quan trọng hơn, quá trình chuyển đổi số đã tạo ra sự thay đổi trong cách nhà trường nhìn nhận dữ liệu. Dữ liệu không còn chỉ là những thông tin phục vụ lưu trữ, tổng hợp báo cáo, mà từng bước trở thành nguồn lực phục vụ quản trị và ra quyết định.

Từ thực tiễn triển khai, có thể rút ra ba bài học có giá trị tham khảo đối với các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Một là, chuyển đổi số có thể bắt đầu từ những bài toán cụ thể. Không phải đơn vị nào cũng có đủ nguồn lực để triển khai ngay một đề án quy mô lớn, được hoạch định hoàn chỉnh từ đầu. Việc lựa chọn những vấn đề cấp thiết, giải quyết từng bước bằng công nghệ có thể tạo ra giá trị thực tiễn trong ngắn hạn, đồng thời tạo nền tảng để hình thành tư duy chuyển đổi số lâu dài.

Hai là, cần chủ động chuyển từ các giải pháp đơn lẻ sang hệ sinh thái số đồng bộ. Những phần mềm riêng biệt có thể phát huy hiệu quả trong một giai đoạn nhất định, nhưng khi quy mô hoạt động tăng lên, hạn chế về liên thông dữ liệu và khả năng mở rộng sẽ bộc lộ rõ hơn. Vì vậy, dữ liệu dùng chung và khả năng kết nối giữa các hệ thống cần được tính đến ngay trong quá trình phát triển.

Ba là, năng lực tự chủ công nghệ là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm tính bền vững. Chủ động phát triển, điều chỉnh phần mềm trên cơ sở kết hợp giữa năng lực kỹ thuật và hiểu biết nghiệp vụ giúp tổ chức linh hoạt hơn trong quá trình vận hành. Cùng với đó, hiệu quả chuyển đổi số cần được đánh giá bằng những chỉ số cụ thể, thay vì chỉ nhìn vào số lượng phần mềm hay mức độ hiện đại của công nghệ.

Hành trình chuyển đổi số của Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình cho thấy một điều: chuyển đổi số không phải là một cuộc "thay áo" bằng công nghệ, mà là quá trình thay đổi từng bước trong cách tổ chức công việc, quản trị dữ liệu và phục vụ con người.

Hành động kiên trì, từng bước, gắn với nhận thức đúng đắn và lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo chính là con đường bền vững để các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh hiện thực hóa mục tiêu chuyển đổi số. Với Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình, hành trình ấy đang tiếp tục được nối dài hướng tới một mô hình "Nhà trường thông minh", trong đó công nghệ phục vụ quản trị, dữ liệu phục vụ ra quyết định và con người là chủ thể của đổi mới.

TỪ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN HÀNH ĐỘNG CỦA NGƯỜI CÁN BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ TRONG THỜI ĐẠI MỚI

Hồng Nhung



Ảnh: Tạp chí điện tử Văn hóa và Phát triển

Khoa học, công nghệ không đứng ngoài cuộc sống. Đó phải là nguồn lực để sản xuất phát triển, để đời sống nhân dân tốt hơn và để đất nước vươn lên. Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học, kỹ thuật, về học tập và con người, nhìn vào yêu cầu phát triển hôm nay, càng thấy rõ trách nhiệm của người làm khoa học, công nghệ: không chỉ có tri thức, mà phải biết biến tri thức thành hành động, thành sản phẩm, thành những giá trị cụ thể cho quê hương, đất nước.

Khoa học phải bắt đầu từ cuộc sống

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến tri thức, khoa học và kỹ thuật. Với Người, khoa học không phải là những điều xa rời thực tiễn, càng không phải là tri thức chỉ để lưu giữ trong sách vở. Khoa học phải đi vào sản xuất, phục vụ đời sống, phục vụ nhân dân và góp phần giải quyết những vấn đề cụ thể của đất nước.

Đó là một cách nhìn có giá trị lâu dài. Bởi suy cho cùng, ý nghĩa của khoa học không chỉ nằm ở việc con người biết thêm một điều mới, mà ở khả năng làm cho cái mới ấy trở thành một giá trị hữu ích trong cuộc sống. Một tiến bộ kỹ thuật giúp người nông dân giảm chi phí sản xuất; một công nghệ giúp doanh nghiệp nâng năng suất; một cơ sở dữ liệu giúp cơ quan quản lý ra quyết định chính xác hơn; một nền tảng số giúp người dân tiếp cận dịch vụ công thuận tiện hơn... Tất cả đều là những cách khoa học hiện diện trong đời sống.

Từ cách nhìn ấy, có thể thấy tinh thần khoa học mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại không chỉ là khuyến khích con người học hỏi, mà còn là yêu cầu học để làm, biết để hành

động và sáng tạo để phục vụ cuộc sống.

Trong thời đại công nghệ phát triển với tốc độ chưa từng có, tư tưởng ấy càng trở nên gần gũi. Đổi mới không nhất thiết bắt đầu từ những điều thật lớn lao. Nhiều khi, đổi mới bắt đầu từ việc nhìn lại một công việc quen thuộc, nhận ra một điểm chưa hợp lý và tìm cách làm tốt hơn. Đó cũng chính là tinh thần mà người cán bộ khoa học, công nghệ hôm nay cần nuôi dưỡng.

Từ đổi mới tư duy đến động lực phát triển

Hưng Yên đang bước vào một giai đoạn phát triển mới, với yêu cầu xây dựng nền kinh tế có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng ngày càng cao. Trong hành trình ấy, lợi thế về vị trí địa lý, hạ tầng hay nguồn lao động vẫn quan trọng, nhưng chưa đủ. Điều quyết định ngày càng nằm ở khả năng tạo ra, tiếp nhận và làm chủ tri thức, công nghệ; ở năng lực đổi mới của bộ máy, doanh nghiệp và người dân.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vì thế không còn chỉ là những lĩnh vực hỗ trợ cho phát triển. Chúng đang từng bước trở thành một phần của chính mô hình phát triển. Nhưng công nghệ tự nó không tạo ra đổi mới. Một hệ thống hiện đại sẽ khó phát huy hiệu quả nếu cách quản lý vẫn cũ. Một nền tảng số sẽ khó tạo ra giá trị nếu dữ liệu không được khai thác. Một thiết bị công nghệ cao sẽ khó đem lại năng suất nếu con người chưa sẵn sàng thay đổi cách làm.

Đổi mới, trước hết, phải bắt đầu từ tư duy. Đó là chuyển từ tư duy quản lý nặng về hành chính sang tư duy kiến tạo phát triển; từ điều hành dựa nhiều vào kinh nghiệm sang điều hành dựa trên dữ liệu, khoa học và dự báo; từ tâm lý ngại thay đổi sang chủ động học hỏi, thử nghiệm và cải tiến.

Tinh thần ấy có sự tương đồng sâu sắc với tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập và không ngừng tiến bộ. Người từng nhấn mạnh việc học tập phải được thực hiện thường xuyên, học ở trường, học trong sách vở, học lẫn nhau và học ở nhân dân. Với người làm khoa học, tinh thần học tập ấy càng có ý nghĩa, bởi khoa học không bao giờ dừng lại ở những gì đã biết.

Người cán bộ khoa học không chỉ cần giỏi chuyên môn

Trong thời đại mới, yêu cầu đối với người cán bộ khoa học, công nghệ cũng đang thay đổi. Giỏi chuyên môn là điều cần thiết, nhưng chưa đủ. Người cán bộ KH&CN phải biết đặt câu hỏi từ thực tiễn: vấn đề của người dân là gì, doanh nghiệp đang cần gì, địa phương đang vướng ở đâu, công nghệ nào có thể giải quyết và giải pháp nào có khả năng đi vào cuộc sống. Đó chính là lúc khoa học gặp thực tiễn.

Một đề tài nghiên cứu sẽ có ý nghĩa hơn khi kết quả có khả năng ứng dụng. Một sáng kiến sẽ có giá trị hơn khi giúp công việc hiệu quả hơn. Một giải pháp chuyển đổi số chỉ thực sự thành công khi người dân sử dụng được, cán bộ khai thác được và doanh nghiệp nhận thấy lợi ích.

Vì thế, người cán bộ KH&CN hôm nay cần có tinh thần của người học trò luôn học hỏi, của người nghiên cứu luôn đặt câu hỏi, của người cán bộ luôn gần dân và của người làm công việc đổi mới luôn sẵn sàng thử nghiệm.

Học Bác, ở góc độ ấy, không chỉ là học những lời dạy về khoa học, kỹ thuật. Đó còn là học phương pháp làm việc: tôn trọng thực tiễn, coi trọng hiệu quả, nói đi đôi với làm, luôn học hỏi và đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng.

Đổi mới cũng cần sự dũng cảm. Không phải sự dũng cảm để làm những điều khác biệt bằng mọi giá, mà là dám nhìn thẳng vào những hạn chế, dám thay đổi cách làm chưa phù hợp, dám chịu trách nhiệm với những quyết định vì lợi ích chung và biết rút kinh nghiệm từ những thử nghiệm chưa thành công.

Một môi trường đổi mới chỉ có thể hình thành khi những con người có ý tưởng mới được khuyến khích, những sáng kiến hiệu quả được ghi nhận và những cách làm tốt được chia sẻ, nhân rộng.

Khoa học, công nghệ phải trở thành sức mạnh của cộng đồng

Hưng Yên đang hướng tới một mô hình tăng trưởng dựa nhiều hơn vào tri thức, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong công nghiệp, đó là phát triển các

lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn; trong nông nghiệp, là đưa khoa học và công nghệ vào nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm; trong quản lý nhà nước, là khai thác dữ liệu và các nền tảng số để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Ở tất cả những lĩnh vực ấy, con người vẫn là yếu tố quyết định.

Công nghệ có thể mua, nhưng năng lực sáng tạo phải được hình thành. Máy móc có thể hiện đại hóa trong một thời gian ngắn, nhưng một đội ngũ biết học hỏi, thích ứng và liên tục cải tiến cần được bồi đắp lâu dài.

Đó là xây dựng đội ngũ cán bộ có tư duy khoa học, năng lực số và tinh thần đổi mới; đội ngũ chuyên gia, kỹ sư có khả năng làm chủ công nghệ; lực lượng lao động có khả năng thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của sản xuất hiện đại.

Quan trọng hơn, cần hình thành văn hóa đổi mới trong toàn xã hội - nơi việc học tập, sáng tạo, thử nghiệm và cải tiến trở thành nhu cầu tự nhiên của mỗi cơ quan, doanh nghiệp và người dân.

Khi đó, khoa học không còn là công việc riêng của các nhà khoa học; chuyển đổi số không còn là câu chuyện riêng của ngành công nghệ; đổi mới sáng tạo cũng không chỉ thuộc về những doanh nghiệp khởi nghiệp. Đó trở thành công việc chung của cả hệ thống và của mỗi người.

Từ "học" đến "làm"

Có lẽ đây là điều quan trọng nhất khi nói về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong lĩnh vực khoa học, công nghệ hôm nay. Đó là biến tinh thần đổi mới thành cách làm việc; biến tư duy khoa học thành phương thức quản lý; biến tinh thần dám nghĩ, dám làm thành những hành động cụ thể; biến chủ trương về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành những sản phẩm, dịch vụ và kết quả có thể nhìn thấy, đo đếm được trong thực tiễn.

Đó phải là năng suất có tăng lên không; doanh nghiệp có thuận lợi hơn không; người dân có được phục vụ tốt hơn không; cán bộ có làm việc hiệu quả hơn không; nguồn lực xã hội có được sử dụng tốt hơn không và nền kinh tế có tạo ra nhiều giá trị hơn không.

Một sáng kiến nếu chỉ nằm trên giấy thì chưa đủ. Một kết quả nghiên cứu nếu chưa tìm được đường vào thực tiễn thì vẫn còn một chặng đường phải đi. Một giải pháp công nghệ nếu người sử dụng chưa thấy thuận tiện thì vẫn cần tiếp tục hoàn thiện.

Tinh thần ấy đòi hỏi người làm khoa học phải kiên trì với công việc của mình, nhưng đồng thời cũng phải biết lắng nghe thực tiễn và không ngừng tự đổi mới.

Nối dài một tinh thần

Con đường phát triển của Hưng Yên trong giai đoạn mới sẽ không chỉ được quyết định bởi những dự án lớn hay những công nghệ hiện đại. Sâu xa hơn, đó là năng lực của cả hệ thống trong việc học hỏi, thích ứng và liên tục đổi mới.

Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học, kỹ thuật, về con người và tinh thần học tập; từ yêu cầu phát triển đất nước trong thời đại mới, người cán bộ KH&CN hôm nay càng nhận rõ trách nhiệm của mình.

Đó là đưa khoa học đến gần cuộc sống hơn. Đưa công nghệ đến gần người dân và doanh nghiệp hơn. Đưa những ý tưởng mới ra khỏi trang giấy. Và quan trọng nhất, biến tri thức thành năng lực phát triển.

Nếu trước đây khoa học mở ra những chân trời mới cho con người, thì hôm nay, chính con người phải làm chủ khoa học để mở ra những chân trời mới cho quê hương, đất nước.

Từ "học" đến "làm", từ tư duy đến hành động, từ công nghệ đến năng lực phát triển - đó không chỉ là yêu cầu của thời đại, mà còn là cách thiết thực để người cán bộ khoa học, công nghệ hôm nay tiếp nối tinh thần mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra: học tập không ngừng, lao động sáng tạo, gắn tri thức với thực tiễn và đem những điều mình làm được phục vụ nhân dân.

Trên hành trình xây dựng một Hưng Yên công nghiệp hiện đại, văn minh và phát triển bền vững, tinh thần ấy vẫn còn nguyên giá trị. Và chính từ mỗi công việc cụ thể, mỗi sáng kiến nhỏ, mỗi lần mạnh dạn thay đổi một cách làm chưa phù hợp, những giá trị ấy sẽ tiếp tục được nối dài trong thời đại khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH: TỪ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN ĐỔI MỚI DẠY VÀ HỌC

Bùi Thị Thanh Hồng
Khoa Kinh tế, Luật và QHQT
Trường Đại học Thái Bình

Khoa học, công nghệ không đứng ngoài cuộc sống. Đó phải là nguồn lực để sản xuất phát triển, để đời sống nhân dân tốt hơn và để đất nước vươn lên. Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học, kỹ thuật, về học tập và con người, nhìn vào yêu cầu phát triển hôm nay, càng thấy rõ trách nhiệm của người làm khoa học, công nghệ: không chỉ có tri thức, mà phải biết biến tri thức thành hành động, thành sản phẩm, thành những giá trị cụ thể cho quê hương, đất nước.



Sinh viên Trường Đại học Thái Bình trong giờ học tại phòng máy, nơi công nghệ số ngày càng được ứng dụng trong hoạt động đào tạo

Từ những ứng dụng đầu tiên

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học không chỉ là đưa máy tính hay phần mềm vào hoạt động chuyên môn, mà hướng tới thay đổi phương thức quản trị, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và tiếp cận tri thức. Với yêu cầu đó, Trường Đại học Thái Bình đã từng bước triển khai chuyển đổi số trong nhiều lĩnh vực, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Một trong những lĩnh vực được triển khai khá rõ là quản lý đào tạo. Nhiều hoạt động như quản lý điểm học phần, nhập điều kiện dự thi, theo dõi kết quả học tập của sinh viên và các nội dung liên quan đến quản lý đào tạo được thực hiện trên hệ thống phần mềm. Việc ứng dụng công nghệ góp phần giảm khối lượng công việc

thủ công, nâng cao tính chính xác của dữ liệu và hỗ trợ công tác quản lý thuận lợi hơn.

Cùng với đó, một số thủ tục hành chính trong nhà trường từng bước được số hóa. Việc xử lý văn bản, trao đổi thông tin và giải quyết công việc chuyên môn được thực hiện nhanh chóng hơn, góp phần xây dựng môi trường làm việc hiện đại.

Trong giảng dạy, công nghệ thông tin cũng được sử dụng ngày càng rộng rãi. Giảng viên sử dụng bài giảng điện tử, trình chiếu đa phương tiện, tài liệu số và các nguồn học liệu trực tuyến để hỗ trợ quá trình giảng dạy. Công nghệ giúp bài giảng trực quan hơn, đồng thời tạo thêm điều kiện để sinh viên chủ động tiếp cận và khai thác tri thức.

Một điểm đáng chú ý trong quá trình này là việc nhà trường được đầu tư hệ thống máy tính cấu hình cao phục vụ đào tạo, nghiên cứu và tổ chức các kỳ thi trên máy tính. Hệ thống đáp ứng nhu cầu học tập, kiểm tra, đánh giá trong môi trường số. Trường Đại học Thái Bình cũng đủ điều kiện tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội và kỳ thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội. Đây không chỉ là sự bổ sung về cơ sở vật chất mà còn cho thấy hạ tầng công nghệ đang ngày càng trở thành một bộ phận của hoạt động đào tạo.

Khi AI bắt đầu bước vào giảng đường

Nếu hạ tầng số và các phần mềm quản lý là nền tảng ban đầu của quá trình chuyển đổi số thì trí tuệ nhân tạo đang mở ra một giai đoạn mới, đặt ra yêu cầu thay đổi cả cách dạy và cách học.

Nhận thức được xu hướng đó, Trường Đại học Thái Bình đã tổ chức các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số cho đội ngũ giảng viên. Ngày 16/9/2025, nhà trường tổ chức Hội thảo khoa học Quốc gia với chủ đề "Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy, nghiên cứu và đánh giá ở trường đại học: Thực tiễn, kinh nghiệm và giải pháp đổi mới". Tiếp đó, ngày 08/6/2026, Trường tổ chức Hội nghị trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về "Ứng dụng



Hội nghị trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy và học" tại Trường Đại học Thái Bình



Hội thảo khoa học quốc gia về ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy, nghiên cứu và đánh giá ở trường đại học tại Trường Đại học Thái Bình

trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy và học".

Thông qua các chương trình tập huấn, giảng viên được tiếp cận với các công cụ AI, nâng cao khả năng xây dựng học liệu, thiết kế bài giảng và hỗ trợ nghiên cứu khoa học. Đây là bước chuẩn bị cần thiết trong bối cảnh AI đang ngày càng tham gia sâu hơn vào quá trình tạo lập, khai thác và truyền tải tri thức.

Ở góc độ giáo dục đại học, AI có thể hỗ trợ giảng viên trong xây dựng bài giảng, thiết kế học liệu, đánh giá kết quả học tập và nghiên cứu khoa học. Với sinh viên, AI mở thêm một công cụ hỗ trợ học tập, góp phần tăng khả năng tự học và tiếp cận tri thức. Tuy nhiên, chính sự xuất hiện của AI cũng đặt ra những yêu cầu mới về kỹ năng số, phương pháp giảng dạy và đạo đức học thuật.

Điều đó cho thấy chuyển đổi số trong giáo dục không thể dừng ở việc trang bị công nghệ. Khi công nghệ thay đổi, năng lực sử dụng công nghệ của người dạy và người học cũng phải thay đổi theo.

Công nghệ đã có, nhưng năng lực khai thác là vấn đề tiếp theo

Những kết quả bước đầu tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi số của Trường Đại học Thái Bình, song quá trình này vẫn còn những điểm nghẽn cần được nhìn nhận thẳng thắn.

Trước hết, mức độ ứng dụng công nghệ số giữa các giảng viên chưa thực sự đồng đều. Một số giảng viên đã chủ động khai thác hiệu quả công nghệ, trong khi một số khác vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng các công cụ số mới. Điều này cho thấy đầu tư hạ tầng mới chỉ là điều kiện cần; để công nghệ thực sự tạo ra thay đổi trong giảng dạy, yếu tố con người vẫn giữ vai trò quyết định.

Một vấn đề khác là nguồn học liệu số phục vụ giảng dạy chưa phong phú. Nhiều học

phần vẫn dựa chủ yếu vào giáo trình truyền thống; việc xây dựng bài giảng số và học liệu tương tác chưa được triển khai đồng bộ. Đây là khoảng trống cần được tiếp tục giải quyết nếu nhà trường muốn hình thành một môi trường học tập số có chiều sâu.

Việc ứng dụng AI trong giảng dạy cũng mới ở giai đoạn đầu. Công cụ có thể hỗ trợ nhiều khâu của quá trình dạy và học, nhưng để hình thành những mô hình ứng dụng hiệu quả, phù hợp với từng ngành đào tạo, cần thêm thời gian, kinh nghiệm và một cách tiếp cận có hệ thống.

Vì vậy, bài toán của chuyển đổi số hiện nay không còn đơn thuần là "có công nghệ hay không", mà là "khai thác công nghệ như thế nào để tạo ra giá trị thực chất cho người dạy và người học".

Từ ứng dụng công nghệ đến xây dựng hệ sinh thái số

Từ thực tế triển khai, Trường Đại học Thái Bình cần tiếp tục hoàn thiện chiến lược chuyển đổi số gắn với chiến lược phát triển chung của nhà trường. Chuyển đổi số cần được triển khai đồng bộ từ cấp quản lý đến các đơn vị chuyên môn, trong đó mỗi giải pháp công nghệ phải hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả quản trị.

Cùng với đó, cần phát huy hiệu quả hệ thống hạ tầng công nghệ hiện có, đặc biệt là các phòng máy đã được đầu tư. Cơ sở vật chất này không chỉ phục vụ đào tạo mà còn có thể được khai thác cho nghiên cứu khoa học, kiểm tra, đánh giá và phát triển các mô hình học tập hiện đại.

Đối với đội ngũ giảng viên, việc bồi dưỡng năng lực số và ứng dụng AI cần được duy trì thường xuyên. Quan trọng hơn, hoạt động tập huấn cần gắn với thực tiễn chuyên môn, giúp giảng viên chuyển những kiến thức được tiếp cận thành các ứng dụng cụ thể trong xây dựng bài giảng, học liệu và nghiên cứu khoa học.

Một nhiệm vụ quan trọng khác là phát triển hệ thống học liệu số dùng chung. Các khoa chuyên môn cần từng bước xây dựng và số hóa bài giảng, ngân hàng câu hỏi và tài liệu học tập, qua đó hình thành nền tảng học liệu phục vụ cả giảng viên và sinh viên.

Ở phía người học, kỹ năng số cũng cần được coi là một thành tố quan trọng của quá trình đào tạo. Sinh viên cần được trang bị khả năng sử dụng hiệu quả các công cụ công nghệ và AI trong học tập, đồng thời hiểu rõ yêu cầu về tính trung thực và đạo đức học thuật. Việc đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng chú trọng tư duy, sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề cũng trở nên cần thiết hơn trong môi trường mà AI có thể hỗ trợ người học tiếp cận thông tin và tạo ra nội dung.

Về lâu dài, việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, tăng cường liên thông dữ liệu giữa các đơn vị chức năng sẽ giúp giảm thời gian xử lý công việc, nâng cao hiệu quả quản trị đại học và tạo nền tảng cho mục tiêu xây dựng mô hình đại học thông minh.

Chuyển đổi số phải tạo ra thay đổi trong chất lượng dạy và học

Những bước đi của Trường Đại học Thái Bình cho thấy chuyển đổi số đã bắt đầu hiện diện trong nhiều hoạt động của nhà trường, từ quản lý đào tạo, số hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy đến đầu tư hạ tầng phục vụ học tập, kiểm tra, đánh giá và tổ chức các hoạt động trao đổi về AI.

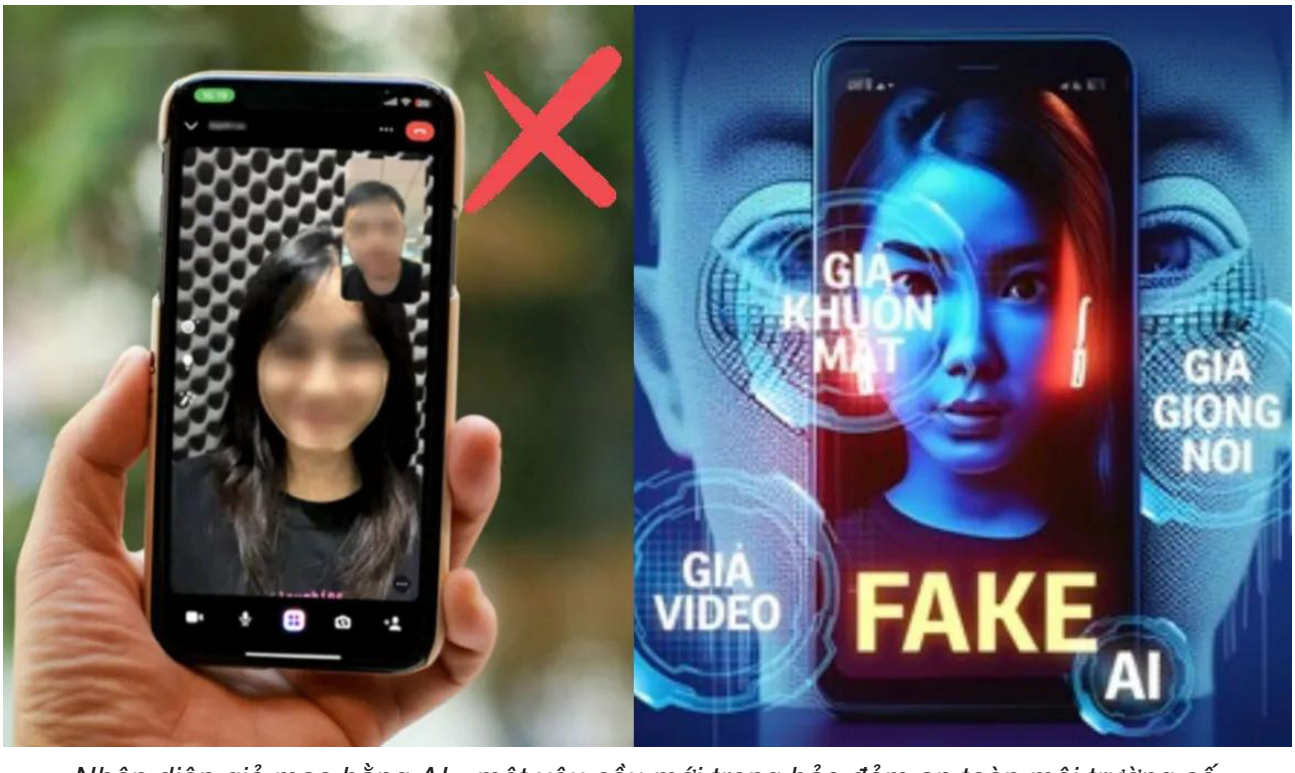
Tuy nhiên, chặng đường từ ứng dụng công nghệ đến chuyển đổi thực chất vẫn cần tiếp tục. Khi hạ tầng từng bước được hoàn thiện, yêu cầu đặt ra cao hơn là phát triển năng lực số của giảng viên, xây dựng học liệu số, nâng cao kỹ năng của sinh viên và tìm ra những cách thức ứng dụng AI phù hợp với từng lĩnh vực đào tạo.

Suy cho cùng, giá trị của chuyển đổi số trong giáo dục đại học không nằm ở số lượng phần mềm, thiết bị hay phòng máy được đầu tư, mà ở khả năng công nghệ thực sự làm thay đổi cách dạy, cách học, cách quản trị và chất lượng đào tạo. Với sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường, sự chủ động của đội ngũ giảng viên và tinh thần đổi mới của người học, những nền tảng đã được hình thành sẽ là cơ sở để Trường Đại học Thái Bình tiếp tục tiến xa hơn trên hành trình xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, số hóa và thích ứng với yêu cầu của kỷ nguyên AI.

ĐƯA KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ DỮ LIỆU SỐ VÀO PHÒNG NGỪA, ĐẤU TRANH VỚI HOẠT ĐỘNG LỪA ĐẢO TRONG TÌNH HÌNH MỚI

ThS. Phạm Hồng Minh
Trường Cao đẳng sư phạm Thái Bình

Sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đang làm thay đổi mạnh mẽ phương thức tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội, đồng thời mở ra nhiều tiện ích cho người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, cùng với những cơ hội đó, không gian số cũng trở thành địa bàn để các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản phát sinh với phương thức ngày càng tinh vi. Trong bối cảnh đó, Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ đã đặt ra yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và dữ liệu để nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện, cảnh báo và xử lý hoạt động lừa đảo.



Nhận diện giả mạo bằng AI - một yêu cầu mới trong bảo đảm an toàn môi trường số. (Ảnh minh họa)

Khi công nghệ vừa là phương tiện bị lợi dụng, vừa là công cụ phòng ngừa

Sự phát triển của Internet, thương mại điện tử, thanh toán số, mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến đang tạo nên một môi trường số ngày càng rộng lớn. Cùng với đó, những công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ giả mạo hình ảnh, giọng nói (Deepfake) đang được ứng dụng ngày càng phổ biến trong đời sống.

Những thành tựu này mang lại nhiều giá trị cho phát triển kinh tế - xã hội, nhưng cũng tạo ra những phương thức mới để các đối tượng xấu lợi dụng. Thông qua công nghệ, đối tượng có thể



Ứng dụng công nghệ xác thực, nhận diện thông tin góp phần phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn các hành vi lừa đảo trên môi trường số

(Ảnh minh họa)

giả mạo hình ảnh, giọng nói, danh tính; tạo dựng các kịch bản có tính thuyết phục cao; tiếp cận nạn nhân trên nhiều nền tảng khác nhau và nhanh chóng dịch chuyển dòng tiền qua các tài khoản, ví điện tử, nền tảng thanh toán số. Những diễn biến đó khiến việc nhận diện, xác minh và truy vết hành vi lừa đảo trở nên khó khăn hơn.

Trong bối cảnh ấy, yêu cầu đặt ra không chỉ là tăng cường các biện pháp đấu tranh sau khi vụ việc xảy ra, mà quan trọng hơn là tận dụng chính những thành tựu của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số để nhận diện nguy cơ, cảnh báo sớm và chủ động ngăn chặn hành vi vi phạm.

Đây cũng là một trong những điểm đáng chú ý của Chỉ thị số 30/CT-TTg về tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong tình hình mới, được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 30/7/2026. Chỉ thị xác định công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn với bảo đảm an ninh, trật tự và phát triển kinh tế - xã hội.

Dữ liệu số trở thành "hạ tầng" cho cảnh báo và phòng ngừa

Nếu coi công nghệ là công cụ thì dữ liệu chính là nguồn lực quan trọng để công nghệ phát huy hiệu quả trong phòng, chống lừa đảo.

Một trong những định hướng nổi bật được Chỉ thị số 30/CT-TTg đặt ra là đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước, phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Theo đó, việc hoàn thiện, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tăng cường kết nối dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp viễn thông, Internet, tổ chức tín dụng và các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán có ý nghĩa quan trọng trong đối soát, xác minh, phân tích và cảnh báo sớm các hoạt động, giao dịch có dấu hiệu bất thường.

Khi dữ liệu được kết nối và chia sẻ theo đúng quy định, cơ quan chức năng có thêm cơ sở để nhận diện những dấu hiệu bất thường, xác thực thông tin chủ thể và hỗ trợ quá trình điều tra, xử lý. Đây cũng là hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu chuyển đổi từ phương thức quản lý dựa nhiều vào xử lý vụ việc sang quản lý dựa trên dữ liệu, phân tích và cảnh báo sớm.

Đối với một nền kinh tế đang ngày càng số hóa, việc hình thành các cơ chế kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu an toàn không chỉ phục vụ phòng, chống lừa đảo mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước, bảo đảm an toàn cho các giao dịch số và củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với môi trường số.

Phát triển công nghệ cao để nhận diện, cảnh báo từ sớm

Điểm quan trọng khác của Chỉ thị là yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược phục vụ phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn hành vi lừa đảo trên môi trường số.

Bộ Công an được giao phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược phục vụ phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn hành vi lừa đảo; đồng thời xây dựng, hoàn thiện các giải pháp xác thực, nhận diện thông tin phục vụ phòng, chống lừa đảo trực tuyến.

Trong khi đó, Bộ Khoa học và Công nghệ được giao nghiên cứu, hoàn thiện các quy định, cơ chế quản lý liên quan đến định danh điện tử trong hoạt động viễn thông, công nghệ thông tin; nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ mới nhằm khắc phục tình trạng ẩn danh, giả mạo trên môi trường mạng. Bộ cũng phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong phát hiện, cảnh báo sớm, nhận diện và ngăn chặn hành vi lừa đảo trên môi trường số.

Cách tiếp cận này cho thấy vai trò ngày càng rõ nét của KH&CN trong giải quyết những vấn đề mới phát sinh từ quá trình chuyển đổi số. Không chỉ tạo ra các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới, KH&CN còn phải tham gia giải quyết các thách thức về an toàn, an ninh và niềm tin trong môi trường số.

Kiểm soát từ "đầu vào" đến giao dịch số

Cùng với dữ liệu và công nghệ cao, Chỉ thị số 30/CT-TTg đặt ra yêu cầu tăng cường quản lý đối với những hạ tầng và dịch vụ có thể bị lợi dụng để thực hiện hành vi lừa đảo.

Trong lĩnh vực viễn thông, các giải pháp xác định thông tin thuê bao, quản lý cơ sở dữ liệu thuê bao và xử lý các trường hợp sử dụng thông tin không đúng quy định được chú trọng. Đối với lĩnh vực tài chính, ngân hàng và trung gian thanh toán, việc kiểm soát thông tin chủ thể của tài khoản thanh toán, ví điện tử và các dịch vụ thanh toán số; tăng cường giám sát, cảnh báo giao dịch bất thường có ý nghĩa quan trọng trong việc hạn chế nguy cơ bị lợi dụng.

Chỉ thị đồng thời yêu cầu tăng cường quản lý tại nhiều lĩnh vực có nguy cơ bị lợi dụng để thực hiện hành vi lừa đảo như viễn thông, ngân hàng, trung gian thanh toán, thương mại điện tử, đầu tư, bảo hiểm, y tế, giáo dục, du lịch và việc làm. Việc rà soát, khắc phục những sơ hở trong quản lý, hoàn thiện quy định và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sẽ góp phần thu hẹp "khoảng trống" để các đối tượng lợi dụng.

Từ công nghệ đến kỹ năng số của người dân

Bên cạnh các giải pháp mang tính kỹ thuật và quản lý, Chỉ thị cũng đặt yêu cầu tăng cường tuyên truyền, phổ biến phương thức, thủ đoạn lừa đảo; đổi mới nội dung, hình thức cảnh báo, đặc biệt đối với lừa đảo trực tuyến; đẩy mạnh sử dụng các nền tảng số, mạng xã hội và phương tiện thông tin để truyền tải cảnh báo nhanh, rộng đến người dân.

Điều này cho thấy xây dựng môi trường số an toàn không chỉ là câu chuyện của cơ quan quản lý hay doanh nghiệp công nghệ. Mỗi người sử dụng Internet cũng là một "mắt xích" trong hệ thống phòng ngừa. Người dân cần chủ động bảo vệ thông tin cá nhân, thận trọng khi cung cấp dữ liệu trên môi trường mạng, xác minh thông tin trước khi thực hiện giao dịch và kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi phát hiện dấu hiệu bất thường.

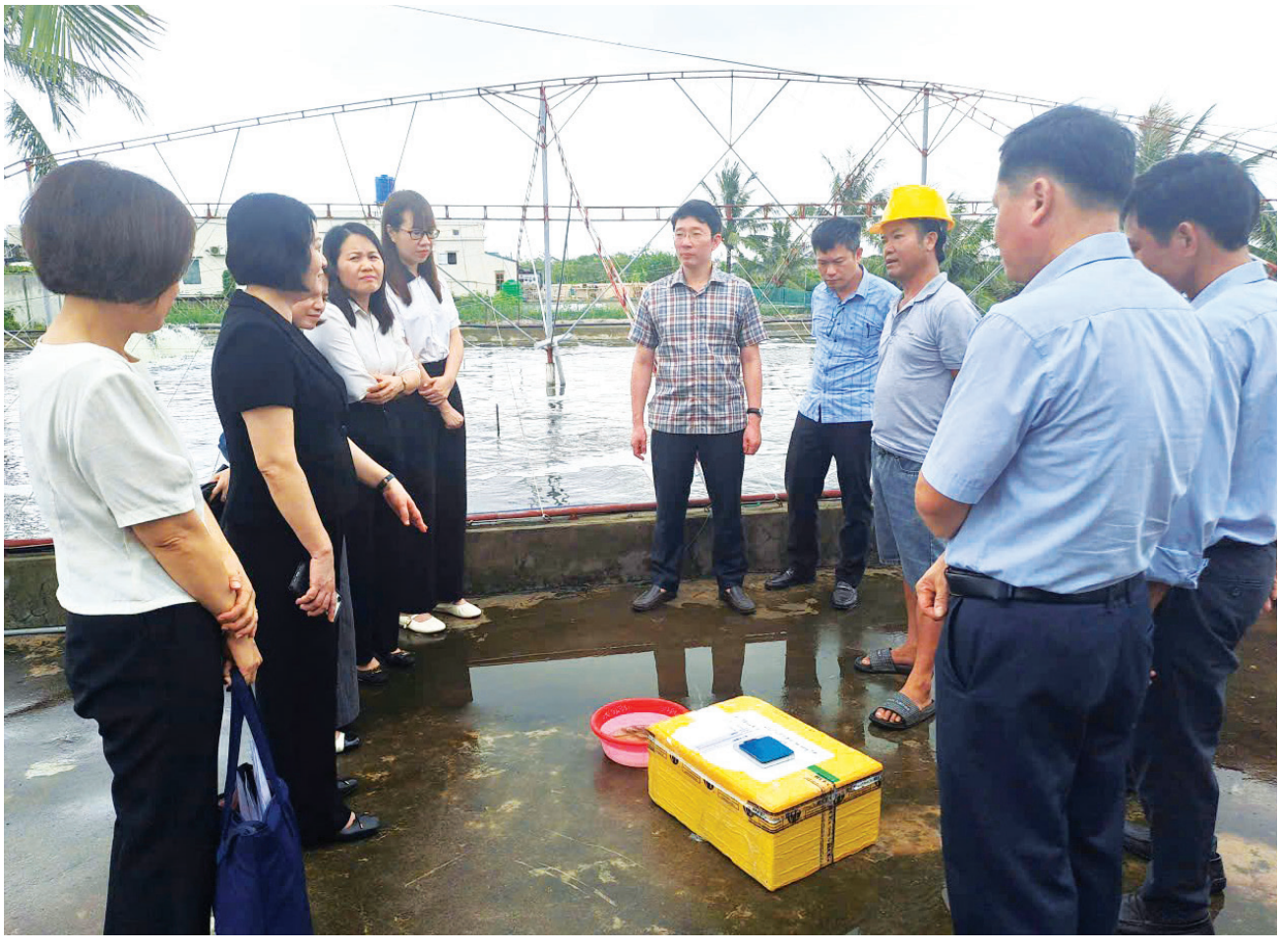
Hướng tới môi trường số an toàn, tin cậy

Chỉ thị số 30/CT-TTg cho thấy một cách tiếp cận đáng chú ý: công nghệ không chỉ tạo ra những phương thức mới để tội phạm lợi dụng mà đồng thời cũng cung cấp những công cụ quan trọng để phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm. Dữ liệu được kết nối, công nghệ được ứng dụng, hệ thống xác thực và cảnh báo được hoàn thiện sẽ tạo điều kiện chuyển công tác phòng, chống lừa đảo từ xử lý sau khi xảy ra sang chủ động nhận diện, cảnh báo và ngăn chặn từ sớm.

Đây cũng là hướng đi phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn mới. Khi ngày càng nhiều hoạt động kinh tế - xã hội được thực hiện trên môi trường số, bảo đảm an toàn không gian mạng và bảo vệ người sử dụng trở thành một bộ phận không thể tách rời của tiến trình chuyển đổi số.

CHẾ PHẨM SINH HỌC MỞ LỐI CHO NUÔI TRỒNG THỦY SẢN XANH Ở HƯNG YÊN

Minh Thư



Hưng Yên nghiên cứu thành công chế phẩm vi sinh phục vụ nuôi tôm thẻ chân trắng

Chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ không chỉ dừng lại ở phòng thí nghiệm hay những mô hình trình diễn. Khi những chế phẩm vi sinh, công nghệ lên men thảo dược và kỹ thuật xử lý môi trường nước được đưa đến tận ao nuôi, người nông dân Hưng Yên đang có thêm một lời giải cho bài toán vừa nâng cao năng suất, vừa bảo vệ hệ sinh thái nuôi trồng thủy sản.

Từ áp lực môi trường đến yêu cầu chuyển đổi

Nuôi trồng thủy sản đang trở thành một trong những ngành sản xuất quan trọng của khu vực ven biển tỉnh Hưng Yên, tạo sinh kế cho hàng nghìn hộ dân và góp phần phát triển kinh tế địa phương. Tuy nhiên, cùng với sự mở rộng diện tích nuôi là những thách thức ngày càng rõ nét: nguồn nước ô nhiễm, bùn hữu cơ tích tụ, khí độc phát sinh và dịch bệnh diễn biến khó lường.

Theo tài liệu chuyên môn của Viện Sinh học - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, nhiều ao nuôi hiện nay chịu tác động đồng thời của nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi và dư lượng thức ăn. Khi lớp bùn đáy

phân hủy, các khí độc như NH_3 và H_2S hình thành, làm suy giảm chất lượng nước, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ sinh trưởng và tỷ lệ sống của tôm, cá.

Đáng chú ý, việc lạm dụng hóa chất và kháng sinh trong xử lý ao nuôi không còn là giải pháp bền vững. Hóa chất có thể tiêu diệt cả hệ vi sinh vật có lợi, làm mất cân bằng sinh thái, trong khi kháng sinh kéo theo nguy cơ kháng thuốc và tồn dư trong sản phẩm, khiến giá trị thương phẩm giảm sút và khó đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu.

Trong bối cảnh thị trường quốc tế ngày càng ưu tiên các sản phẩm có chứng nhận xanh như ASC hay GlobalGAP, chuyển đổi sang mô hình nuôi trồng sinh học không còn là xu hướng, mà đã trở thành yêu cầu tất yếu.

Đưa khoa học đến tận người nuôi

Từ ngày 7 đến 9/7/2026, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số (Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên) đã phối hợp với Viện Sinh học tổ chức chuỗi 5 lớp tập huấn tại xã Đồng Châu và xã Đông Thụy Anh, thu hút khoảng 350 đại biểu là cán bộ địa phương, hợp tác xã và các hộ nuôi trồng thủy sản tham gia.

Điểm khác biệt của chương trình không chỉ nằm ở việc phổ biến kiến thức, mà ở phương thức chuyển giao "cầm tay chỉ việc". Bà con được tiếp cận trực tiếp với các quy trình xử lý nước bằng vi sinh, kỹ thuật sử dụng chế phẩm thảo dược, đồng thời tham quan mô hình nuôi ứng dụng ngay tại địa phương.

Phát biểu tại lớp tập huấn, ông Nguyễn Anh Tuấn, Giám đốc Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số, nhấn mạnh rằng việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là chế phẩm sinh học, là giải pháp quan trọng để nâng cao năng suất, giảm ô nhiễm môi trường và tạo ra sản phẩm thủy sản an toàn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Không khí học tập diễn ra sôi nổi với nhiều câu hỏi thực tế: làm thế nào để xử lý nước sau mưa lớn, cách giảm khí độc đáy ao, thời điểm bổ sung vi sinh hay biện pháp phòng bệnh khi nhiệt độ biến động. Những vấn đề người dân gặp hằng ngày đều được chuyên gia phân tích và hướng dẫn ngay trên cơ sở điều kiện sản xuất của từng vùng nuôi.

Chế phẩm sinh học: "Lá phổi" của ao nuôi

Khác với hóa chất xử lý tức thời, chế phẩm sinh học hoạt động dựa trên hệ vi sinh vật có lợi. Khi được bổ sung xuống ao, các chủng vi khuẩn tiết enzyme phân hủy bùn hữu cơ, thức ăn dư thừa và chất thải, đồng thời chuyển hóa khí độc NH_3, H_2S thành các hợp chất ít độc hại hơn. Nhờ đó, môi trường nước được cải thiện một cách tự nhiên và ổn định.

Một ưu điểm quan trọng khác là khả năng cân bằng hệ sinh thái ao nuôi. Vi sinh vật có lợi cạnh tranh dinh dưỡng với tảo độc, giúp duy trì màu nước ổn định, đồng thời tạo hàng rào sinh học bảo vệ đường ruột của vật nuôi, tăng khả năng hấp thu dinh dưỡng và nâng cao sức đề kháng trước các cú sốc thời tiết.

Bên cạnh đó, chương trình còn giới thiệu công nghệ lên men thảo dược kết hợp nano sinh học. Các nguyên liệu tự nhiên như tỏi, gừng, nghệ hay neem sau khi lên men sẽ tạo ra hoạt chất dễ hấp thu hơn, góp phần kiểm soát mầm bệnh mà không cần phụ thuộc vào kháng sinh hóa học. Công nghệ nano còn giúp hoạt chất thẩm thấu nhanh qua đường tiêu hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng và hạn chế hiện tượng kháng thuốc.

Đây là hướng tiếp cận phù hợp với xu thế sản xuất nông nghiệp tuần hoàn: giảm hóa chất đầu vào, bảo vệ nguồn nước và tạo ra sản phẩm sạch có giá trị gia tăng cao.

Từ lớp học đến mô hình thực tiễn

Sau phần lý thuyết, các hộ dân được trực tiếp thực hành quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh trong ao nuôi và được Ban tổ chức hỗ trợ một số sản phẩm để áp dụng ngay



Mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản tại xã Đồng Châu

tại mô hình của gia đình. Việc hỗ trợ sau tập huấn giúp rút ngắn khoảng cách giữa kiến thức và thực hành, tạo điều kiện để người dân đánh giá hiệu quả ngay trong vụ nuôi.

Theo hướng dẫn kỹ thuật, quy trình nuôi bền vững bắt đầu từ việc cải tạo ao, nạo vét đáy và xử lý vi sinh trước vụ nuôi; duy trì bổ sung vi sinh định kỳ trong suốt quá trình sản xuất; kết hợp chế phẩm thảo dược trong thức ăn và kiểm soát chặt chất lượng con giống. Mô hình này không chỉ giảm đáng kể chi phí hóa chất mà còn góp phần kéo dài tuổi thọ ao nuôi và nâng cao giá trị thương phẩm của thủy sản.

Đối với các vùng nuôi ven biển của Hưng Yên như Đồng Châu hay Đông Thụy Anh, nơi điều kiện thời tiết và môi trường nước thường xuyên biến động, việc áp dụng các giải pháp sinh học còn mang ý nghĩa thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng đến phát triển kinh tế biển theo hướng xanh và bền vững.

Khoa học chỉ thực sự phát huy giá trị khi được ứng dụng vào đời sống. Từ những lớp tập huấn ở cơ sở, những quy trình vi sinh đang từng bước thay đổi tư duy sản xuất của người nuôi thủy sản Hưng Yên: thay hóa chất bằng sinh học, thay xử lý bị động bằng quản lý chủ động và thay mục tiêu sản lượng đơn thuần bằng chất lượng, giá trị và sự bền vững. Đó cũng chính là con đường để khoa học và công nghệ đồng hành cùng nông nghiệp hiện đại, kiến tạo những vùng nuôi an toàn, thân thiện với môi trường và đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như quốc tế.

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG TRƯỜNG HỌC: KHÔNG CHẠY THEO PHONG TRÀO, HƯỚNG ĐẾN HIỆU QUẢ THỰC CHẤT

Thu Hương



Ứng dụng AI trong dạy và học đang ngày càng phổ biến trong các nhà trường ở Hưng Yên

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang mở ra nhiều cơ hội đổi mới giáo dục, từ hỗ trợ giáo viên thiết kế bài giảng đến giúp học sinh tiếp cận kiến thức theo những cách sinh động hơn. Tuy nhiên, công nghệ chỉ thực sự phát huy giá trị khi được sử dụng đúng mục đích, phù hợp với điều kiện của từng nhà trường và góp phần nâng cao chất lượng dạy, học. Điều quan trọng không phải là ứng dụng AI nhanh đến đâu, mà là công nghệ mang lại những thay đổi gì trong thực tiễn giáo dục.

AI mở ra cơ hội đổi mới giáo dục

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là các công cụ AI tạo sinh, đang làm thay đổi cách con người tìm kiếm thông tin, xử lý công việc và tiếp cận tri thức. Trong giáo dục, AI có thể hỗ trợ xây dựng học liệu, thiết kế câu hỏi, minh họa kiến thức, tạo tình huống học tập và hướng dẫn học sinh tự học.

Với giáo viên, những công việc trước đây đòi hỏi nhiều thời gian chuẩn bị nay có thêm công cụ hỗ trợ. Với học sinh, AI có thể giúp giải thích một khái niệm khó, gợi ý hướng giải quyết vấn đề hoặc cung cấp thêm bài tập để củng cố kiến thức.

Chẳng hạn, khi xây dựng bài học về môi trường, giáo viên có thể sử dụng AI để thiết kế tình huống gắn với đời sống, xây dựng câu hỏi thảo



Tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo góp phần nâng cao năng lực số và hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp dạy học

luận hoặc gợi ý hoạt động tìm hiểu các vấn đề môi trường tại địa phương. Học sinh cũng có thể tham khảo AI để tìm kiếm ý tưởng, so sánh cách giải thích và kiểm tra mức độ hiểu bài của mình.

Thực tế tại Hưng Yên đã xuất hiện những cách làm cụ thể: Tại Trường Tiểu học và THCS Đông Hà, giáo viên Nguyễn Thị Kim Anh sử dụng AI hỗ trợ thiết kế bài giảng tiếng Anh theo chủ đề, kết hợp hình ảnh, âm thanh, video và trò chơi tương tác. Trong các tiết học, học sinh lớp 5A tích cực tham gia hoạt động, trao đổi nhóm và thuyết trình. Ở lớp 1, giáo viên Nguyễn Thị Lĩnh vận dụng hình ảnh, video và trò chơi tương tác trong các tiết hoạt động trải nghiệm, giúp học sinh tiếp cận tình huống gần gũi, rèn luyện kỹ năng sống và mạnh dạn trao đổi với giáo viên.

Từ năm học 2024-2025, nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin và AI vào một số môn học; sang năm học 2025-2026, phạm vi triển khai được mở rộng. Những hoạt động này cho thấy AI có thể hỗ trợ giáo viên đổi mới cách tổ chức bài học, tạo thêm cơ hội tương tác cho học sinh và giảm thời gian chuẩn bị một số loại học liệu. Tuy nhiên, hiệu quả đến đâu vẫn cần được xem xét trên cơ sở chất lượng dạy học và sự tiến bộ thực tế của người học.

Những ví dụ trên cho thấy AI có thể được vận dụng theo nhiều cách, tùy thuộc vào mục tiêu giáo dục và đặc điểm của từng lứa tuổi. Song, sự sinh động của bài giảng hay mức độ hào hứng của học sinh mới chỉ là những biểu hiện ban đầu. Một sản phẩm được tạo nhanh, trình bày đẹp chưa đủ chứng minh người học đã hiểu sâu kiến thức, biết vận dụng và phát triển được năng lực cần thiết.

Vì thế, vấn đề đặt ra không chỉ là đưa AI vào trường học, mà còn là xác định rõ công nghệ này sẽ giải quyết khó khăn gì và tạo ra giá trị nào cho quá trình dạy, học.

Đổi mới từ nhu cầu thực tế của nhà trường

Trong chuyển đổi số, không có một mô hình công

nghệ phù hợp với tất cả các cơ sở giáo dục. Điều kiện hạ tầng, thiết bị, khả năng kết nối và năng lực số của giáo viên có thể khác nhau giữa các trường. Ngay trong cùng một trường, nhu cầu ứng dụng AI ở từng môn học cũng không hoàn toàn giống nhau.

Bởi vậy, việc triển khai không nên bắt đầu bằng yêu cầu mọi giáo viên phải sử dụng một công cụ, mọi tiết học đều phải có AI hay mỗi trường phải đạt một số lượng ứng dụng nhất định trong thời gian ngắn. Nếu thiếu chuẩn bị, những yêu cầu mang tính hình thức có thể khiến giáo viên phát sinh thêm công việc, trong khi hiệu quả đối với người học chưa rõ ràng.

Trường hợp Trường Tiểu học và THCS Đông Hà cũng cho thấy việc ứng dụng công nghệ cần đi cùng điều kiện tổ chức dạy học. Theo chia sẻ của lãnh đạo nhà trường, dù còn khó khăn về cơ sở vật chất và thiếu giáo viên, trường đã chú trọng đầu tư hạ tầng, lắp đặt tivi và mạng internet tại các lớp học, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, khai thác học liệu điện tử và các phần mềm hỗ trợ dạy học. Công nghệ không được triển khai riêng lẻ, mà gắn với việc đổi mới phương pháp và phát huy vai trò của giáo viên.

Đây là kinh nghiệm đáng tham khảo, nhưng không có nghĩa mọi trường đều phải áp dụng theo cùng một cách. Với những cơ sở giáo dục có điều kiện hạ tầng và đội ngũ đáp ứng tốt, việc thử nghiệm các ứng dụng chuyên sâu có thể được xem xét. Những trường còn hạn chế về thiết bị hoặc kỹ năng số nên bắt đầu từ các công cụ đơn giản, dễ sử dụng, phục vụ những nhiệm vụ cụ thể như xây dựng học liệu, thiết kế câu hỏi hoặc hỗ trợ học sinh tự học.

Trước khi lựa chọn công cụ, nhà trường cần xác định rõ khó khăn muốn giải quyết. Nếu giáo viên mất nhiều thời gian chuẩn bị tài liệu, có thể thử nghiệm AI ở khâu xây dựng học liệu. Nếu học sinh gặp khó khăn khi tự tìm hiểu kiến thức, có thể nghiên cứu cách sử dụng công cụ để gợi mở câu hỏi, hướng dẫn tìm kiếm và kiểm chứng thông tin.

Từ những thử nghiệm có mục tiêu cụ thể, nhà trường đánh giá kết quả, điều chỉnh cách làm rồi mới xem xét nhân rộng. Cách tiếp cận này giúp hạn chế đầu tư dàn trải, tránh phụ thuộc vào những nền tảng chưa phù hợp và tạo điều kiện để giáo viên từng bước làm chủ công nghệ.

Cũng cần phân biệt giữa chuyển đổi số với việc đơn thuần đưa thêm công nghệ vào hoạt động hiện có. Chuyển đổi số hướng đến đổi mới cách thức tổ chức công việc, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng giáo dục. Trong quá trình đó, AI là một công cụ hỗ trợ, không phải đích đến tự thân.

Giáo viên giữ vai trò quyết định

AI có thể tạo ra nội dung nhanh chóng, nhưng không phải mọi thông tin do công cụ cung cấp đều chính xác. Câu trả lời có thể thiếu căn cứ, nhầm lẫn dữ kiện hoặc đưa ra dẫn chứng không có thật. Nếu sử dụng mà không kiểm tra, giáo viên có thể vô tình đưa thông tin sai vào bài giảng; học sinh cũng có nguy cơ tiếp nhận kiến thức thiếu chính xác.

Bởi vậy, ứng dụng AI hiệu quả không chỉ đòi hỏi giáo viên biết sử dụng phần mềm, mà còn cần năng lực xác định mục tiêu, xây dựng yêu cầu phù hợp, kiểm tra kết quả và điều chỉnh nội dung theo chương trình giáo dục. Những tài liệu do AI gợi ý phải được rà soát trước khi sử dụng; các thông tin chưa rõ nguồn cần được đối chiếu với tài liệu đáng tin cậy.

Công tác bồi dưỡng giáo viên vì thế cần gắn với công việc thực tế. Thay vì chỉ giới thiệu tính năng của các nền tảng, hoạt động tập huấn nên hướng dẫn giáo viên xây dựng học liệu, thiết kế câu hỏi, xử lý tình huống sư phạm và nhận diện những sai sót mà AI có thể tạo ra. Hiệu quả tập huấn cũng cần được nhìn nhận qua



AI ngày càng trở thành công cụ thiết yếu hỗ trợ học tập trong trường học (Ảnh minh họa)

khả năng vận dụng vào công việc, chứ không chỉ dựa trên số người tham dự hay số công cụ được giới thiệu.

Đối với học sinh, AI có thể trở thành trợ lý học tập hữu ích nếu được sử dụng đúng cách. Các em có thể nhờ công cụ giải thích một khái niệm theo cách dễ hiểu hơn, gợi ý hướng giải quyết vấn đề hoặc đề xuất câu hỏi để tự kiểm tra kiến thức. Nhưng nếu chỉ sao chép câu trả lời có sẵn, học sinh có thể hoàn thành bài tập mà chưa thực sự hiểu nội dung.

Điều này đòi hỏi giáo viên quan tâm nhiều hơn đến quá trình học tập. Khi đánh giá, cần chú ý cách học sinh tìm kiếm thông tin, lập luận, giải thích phương án và vận dụng kiến thức, thay vì chỉ xem xét sản phẩm cuối cùng. Những yêu cầu như trình bày cách suy nghĩ, kiểm chứng kết quả và bảo vệ quan điểm của mình sẽ giúp học sinh sử dụng AI để mở rộng khả năng tư duy, thay vì phụ thuộc vào công nghệ.

Sử dụng AI an toàn và có trách nhiệm

Cùng với cơ hội đổi mới, ứng dụng AI trong trường học cũng đặt ra những vấn đề cần được quan tâm, đặc biệt là bảo vệ dữ liệu cá nhân, bản quyền và tính trung thực trong học tập.

Khi sử dụng các nền tảng AI, giáo viên và học sinh cần thận trọng với thông tin cá nhân, hình ảnh, hồ sơ học tập và những dữ liệu chưa được phép công khai. Không nên tùy tiện đưa thông tin nhạy cảm lên các công cụ chưa được đánh giá về điều kiện bảo mật. Việc lựa chọn nền tảng cần tính đến chính sách xử lý dữ liệu, điều kiện sử dụng và mức độ phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Nhà trường cũng cần hướng dẫn học sinh nhận biết giới hạn của AI. Một câu trả lời được trình bày mạch lạc không đồng nghĩa với việc hoàn toàn chính xác; hình ảnh hoặc tài liệu được tạo tự động

cũng không mặc nhiên bảo đảm tính xác thực. Học sinh cần biết đối chiếu thông tin, kiểm tra nguồn và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm học tập của mình.

Đối với vấn đề bản quyền và liêm chính học thuật, cần có hướng dẫn rõ ràng về trường hợp được phép sử dụng AI, mức độ hỗ trợ được chấp nhận và cách ghi nhận sự hỗ trợ khi cần thiết. Thay vì chỉ cấm đoán, nhà trường nên giúp học sinh hiểu sự khác biệt giữa sử dụng công nghệ để mở rộng khả năng học tập với việc sao chép sản phẩm của công cụ rồi nhận đó là kết quả hoàn toàn do mình thực hiện.

Năng lực AI cũng cần được đặt trong tổng thể năng lực số của người học, bao gồm khả năng tìm kiếm, đánh giá thông tin, bảo vệ dữ liệu, ứng xử có trách nhiệm trên môi trường mạng và tư duy phản biện. Đây là những kỹ năng cần thiết để học sinh chủ động thích ứng với môi trường số, không phụ thuộc hoàn toàn vào công nghệ.

Đánh giá hiệu quả trước khi nhân rộng

Muốn tránh chạy theo phong trào, các nhà trường cần xác định tiêu chí đánh giá ngay từ khi bắt đầu ứng dụng AI. Trọng tâm không phải là có bao nhiêu tài khoản được đăng ký, bao nhiêu phần mềm được sử dụng hay bao nhiêu buổi tập huấn được tổ chức, mà là những thay đổi thực tế trong công việc và chất lượng giáo dục.

Giáo viên có giảm được thời gian thực hiện những nhiệm vụ lặp lại không? Học liệu có được cải thiện về chất lượng? Học sinh có chủ động hơn, hiểu bài sâu hơn và biết kiểm chứng thông tin tốt hơn không? Chi phí đầu tư có tương xứng với hiệu quả đạt được? Những rủi ro về dữ liệu và an toàn thông tin đã được kiểm soát chưa? Đó là những câu hỏi cần được đặt ra khi đánh giá một mô hình ứng dụng AI.

Bên cạnh đó, cần chú ý đến sự công bằng trong tiếp cận công nghệ. Không phải học sinh nào cũng có thiết bị cá nhân, kết nối internet ổn định hoặc điều kiện được hỗ trợ sử dụng AI như nhau. Nếu thiếu phương án phù hợp, việc ứng dụng công nghệ có thể làm gia tăng khoảng cách học tập giữa các nhóm học sinh.

Đối với Hưng Yên, việc triển khai cần gắn với khảo sát nhu cầu, điều kiện hạ tầng và năng lực của từng cơ sở giáo dục. Những mô hình cho thấy hiệu quả cần được tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm; những cách làm chưa phù hợp cần được điều chỉnh trước khi mở rộng. Nhân rộng không có nghĩa là sao chép nguyên trạng, mà là lựa chọn những giải pháp đã được kiểm chứng để vận dụng linh hoạt vào từng hoàn cảnh.

Công nghệ phục vụ con người

Trí tuệ nhân tạo đang mở ra nhiều khả năng mới cho giáo dục, nhưng không thể thay thế vai trò của người thầy, sự nỗ lực của người học hay những giá trị nền tảng của giáo dục. Một môi trường học tập tốt không được quyết định bởi số lượng thiết bị hiện đại, mà bởi khả năng khơi gợi tư duy, phát triển năng lực và tạo cơ hội để mỗi học sinh tiến bộ.

Đối với giáo dục Hưng Yên, hướng đi cần thiết là bắt đầu từ nhu cầu thực tế, lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện của từng nhà trường và đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Khi giáo viên làm chủ công nghệ, học sinh biết sử dụng AI có trách nhiệm và chất lượng dạy, học luôn được đặt ở vị trí trung tâm, AI mới thực sự trở thành công cụ hỗ trợ đổi mới giáo dục.

Không chạy theo phong trào không có nghĩa là chậm đổi mới hay đứng ngoài xu thế công nghệ. Đó là lựa chọn cách làm có mục tiêu, có căn cứ và có sự kiểm chứng; sẵn sàng tiếp cận cái mới nhưng không đánh đổi chất lượng giáo dục để lấy những kết quả mang tính hình thức.

HƯNG YÊN TRIỂN KHAI SÂU RỘNG 3 TRỤ CỘT CHUYỂN ĐỔI SỐ

Mai Tú - Trang Nguyên



Trình diễn robot tại Diễn đàn khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên

Chuyển đổi số ở Hưng Yên đang được đẩy mạnh toàn diện trên 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tỉnh tập trung lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, hướng tới mục tiêu xây dựng hành lang công nghệ gồm Trung tâm Đổi mới sáng tạo (Văn Giang), vùng lõi công nghệ (Mỹ Hào) và logistics (Phố Nối).

Theo Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hưng Yên thông tin: Công tác quản lý văn bản của đơn vị đã được số hóa toàn diện. Hiện nay, tất cả văn bản đi-đến được xử lý qua phần mềm quản lý văn bản điện tử iDesk. Văn bản điện tử giúp giảm hơn 60% khối lượng giấy tờ hành chính, rút ngắn thời gian luân chuyển, nâng cao tính chính xác, minh bạch.

Hơn 93% Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cơ sở đã xây dựng fanpage để chia sẻ thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước bằng nhiều hình thức như: Video, infographic, bản tin điện tử. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hưng Yên đã biên tập và phát thanh "Bản tin công tác mặt trận điện tử" thay thế cho bản tin giấy truyền thống; đưa vào sử dụng flipbook (sách lật điện tử), mã QR tra cứu tài liệu, thư viện điện tử và hệ thống hội nghị không giấy tờ.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo các tổ chức thành viên triển khai công trình số hóa, tiêu biểu như: Hội Phụ nữ tỉnh với công trình "Số hóa nhà lưu niệm Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm";



Bệnh viện đa khoa Thái Bình (tỉnh Hưng Yên) đẩy mạnh triển khai phần mềm Bệnh án điện tử phục vụ công tác khám, chữa bệnh

Tỉnh đoàn thực hiện công trình "Số hóa 50 di tích lịch sử, danh thắng, khu du lịch" bằng mã QR, bản đồ số và video 3D.

Trong ngành y tế, đến nay 100% các bệnh viện tại tỉnh Hưng Yên đã chuyển sang sử dụng bệnh án điện tử thay cho bệnh án giấy, đem đến nhiều tiện ích. Dễ thấy nhất, trước kia người đến thăm khám phải mang theo nhiều loại giấy tờ, xếp hàng chờ đợi, thì nay, việc sử dụng căn cước công dân gắn chip, đăng ký khám trực tuyến... đã giúp đơn giản hóa đáng kể thủ tục hành chính. Tỷ lệ bệnh nhân sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chíp đạt 67,17% tổng số lượt khám, chữa bệnh; số lượt khám, chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế đã liên thông dữ liệu lên sổ sức khỏe điện tử đạt hơn 99%; 100% dữ liệu về giấy khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh, giấy báo tử được liên thông lên cổng giám định bảo hiểm y tế phục vụ dịch vụ công trực tuyến.

Dữ liệu hình ảnh y khoa được lưu trữ tập trung, liên thông giữa các cơ sở y tế, giúp hội chẩn từ xa, nâng cao chất lượng chuyên môn. Trí tuệ nhân tạo phân tích dữ liệu y tế bước đầu hỗ trợ bác sĩ đưa ra quyết định điều trị. Các dịch vụ khám, chữa bệnh từ xa, đăng ký khám trực tuyến đang được nhiều cơ sở mở rộng.

Nhiều trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, phường như: Phường Phố Hiến, phường Trà Lý, xã Tiền Hải... đã đưa vào vận hành robot AI thông minh có khả năng tương tác cao khi sử dụng. Robot có giá khoảng 100 triệu đồng/chiếc, được tích hợp mã QR tiện ích, giúp người dân tra cứu và lưu trữ thông tin mọi lúc, mọi nơi. Robot có 6 nhóm chức năng chính gồm: Tư vấn dịch vụ và phát số thứ tự tự động; thu thập và gửi phản hồi trực tuyến; bảng thông tin điện tử tích hợp; di chuyển tự động, phát nước và bánh kẹo tại khu vực chờ; giao tiếp hội thoại bằng AI; tư vấn và hỗ trợ tại chỗ.



Phường Phố Hiến là một trong những phường đầu tiên của tỉnh Hưng Yên đầu tư Robot AI thông minh đưa vào sử dụng tại Trung tâm phục vụ hành chính công

Theo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên, ở lĩnh vực chuyển đổi số, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiên phong triển khai tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ trực tuyến; 104 trung tâm cấp xã được đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và bảo đảm điều kiện hoạt động. Hiện nay, 100% xã, phường đã phủ sóng băng rộng di động 3G và 4G, đã lắp đặt được hơn 2.980 trạm BTS, trong đó hơn 1.000 trạm 5G phủ sóng đến 95% dân số, bảo đảm triển khai các thủ tục hành chính theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công trực tiếp. Đáng chú ý, ngày 4/12/2025, Hưng Yên trở thành tỉnh đầu tiên trong cả nước hoàn thành nhiệm vụ triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước.

Năm 2026, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên đề ra mục tiêu tiếp tục hoàn thiện các chính sách phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên; xây dựng và phát triển hạ tầng số với công nghệ mới nhất cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...). Tỉnh phấn đấu đạt 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước; 90% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện; triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục, y tế...

TỪ MỘT CHIẾC ĐIỆN THOẠI, MỞ RA NHỮNG CÁNH CỬA SỐ

Mai Hoa

Chuyển đổi số đôi khi không bắt đầu từ những công nghệ lớn lao, mà từ một việc rất nhỏ: biết dùng chiếc điện thoại thông minh để giải quyết công việc thuận tiện hơn, bán một sản phẩm đi xa hơn hay kết nối với những dịch vụ vốn trước đây còn xa lạ.



Từ những thao tác ban đầu trên chiếc điện thoại thông minh, người cao tuổi từng bước tiếp cận các tiện ích số, chủ động hơn trong cuộc sống hằng ngày

Buổi sáng ở một vùng quê Hưng Yên, bà Hòa, người đã ngoài sáu mươi tuổi, cẩn thận đặt chiếc điện thoại lên chiếc bàn gỗ trước hiên nhà. Trên màn hình là tin nhắn của con gái hướng dẫn mẹ thanh toán tiền điện bằng ứng dụng ngân hàng. Bà đọc đi đọc lại, ngập ngừng bấm từng nút. Phải mất vài lần thử, bà mới hoàn thành giao dịch.

"Thế là từ nay không phải đi ra điểm thu tiền nữa à?", bà hỏi con qua điện thoại, giọng vừa vui vừa chưa hết ngỡ ngàng.

Câu chuyện của bà Hòa không có gì đặc biệt giữa cuộc sống hôm nay. Nhưng với bà, đó là một thay đổi đáng kể. Một công việc từng phải đi lại, chờ đợi nay có thể hoàn thành ngay tại nhà. Và quan trọng hơn, bà bắt đầu nhận ra chiếc điện thoại nhỏ bé trên tay không chỉ dùng để nghe gọi, xem tin tức hay trò chuyện với con cháu. Nếu biết cách sử dụng, nó có thể giúp cuộc sống trở nên thuận tiện hơn rất nhiều.

Khi công nghệ bước vào đời sống thường ngày

Vài tuần sau, bà Hòa được một thành viên tổ công nghệ số cộng đồng ở địa phương hướng dẫn thêm cách tra cứu thông tin trên các trang chính thống, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và nhận biết những tin nhắn có dấu hiệu lừa đảo. Những thuật ngữ như "tài khoản định danh điện tử", "mã xác thực", "dịch vụ công trực tuyến" dần trở nên dễ hiểu hơn khi được giải thích bằng những tình huống cụ thể.

Bà không học công nghệ theo cách của người trẻ. Bà học từ những việc mình cần, làm từng bước và hỏi lại khi chưa rõ. Với bà, chuyển đổi số không phải điều gì quá xa vời; đó là khi có thể chủ động tra cứu một thủ tục, tìm đúng thông tin cần thiết và không còn quá phụ thuộc vào người khác.

Câu chuyện ấy gợi ra một điều quan trọng: công nghệ chỉ thực sự phát huy giá trị khi con người có thể tiếp cận và sử dụng nó. Hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số hay các ứng dụng thông minh là những điều kiện cần thiết, nhưng sự thay đổi trong nhận

thức và thói quen của mỗi người mới giúp chuyển đổi số đi vào cuộc sống một cách bền vững.

Ở Hưng Yên, hành trình ấy không chỉ diễn ra trong các cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp công nghệ. Nó hiện diện trong những giao dịch hằng ngày, trong cách người dân tiếp cận dịch vụ công, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và trong nỗ lực đưa tri thức khoa học, công nghệ đến gần hơn với cộng đồng.

Từ chiếc điện thoại đến những cơ hội mới

Cũng ở một vùng quê khác của Hưng Yên, anh Minh, một người làm nghề trồng cây ăn quả, từng quen với cách bán hàng truyền thống: đến vụ thu hoạch thì tìm thương lái, thỏa thuận giá cả rồi giao hàng. Có những thời điểm, sản phẩm làm ra đạt chất lượng nhưng đầu ra chưa ổn định, thông tin thị trường còn hạn chế.

Sau khi được hướng dẫn sử dụng các nền tảng số, anh bắt đầu chụp ảnh sản phẩm, đăng thông tin về vườn cây, mùa thu hoạch và cách chăm sóc lên mạng xã hội. Anh học cách trao đổi với khách hàng qua tin nhắn, lưu lại thông tin đơn hàng và sử dụng thanh toán điện tử khi phù hợp. Những thay đổi ban đầu chưa làm mọi khó khăn biến mất, nhưng giúp anh có thêm kênh tiếp cận khách hàng, chủ động hơn trong giới thiệu sản phẩm và từng bước xây dựng niềm tin với người mua.

Anh cũng hiểu rằng đưa sản phẩm lên môi trường số không đơn giản chỉ là đăng một bức ảnh đẹp. Muốn khách hàng quay trở lại, chất lượng phải ổn định, thông tin phải trung thực, quy trình sản xuất cần được kiểm soát và việc giao hàng phải bảo đảm. Công nghệ có thể giúp kết nối cung - cầu, nhưng giá trị thực của sản phẩm vẫn là nền tảng.

Đó cũng là điểm gặp gỡ giữa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Từ việc ghi chép dữ liệu sản xuất, truy xuất nguồn gốc đến ứng dụng cảm biến theo dõi độ ẩm đất, sử dụng hệ thống tưới tự động hay phân tích thông tin thị trường, những giải pháp phù hợp có thể giúp người sản xuất nâng cao hiệu quả và giảm bớt sự phụ thuộc vào kinh nghiệm đơn thuần.

Không phải hộ sản xuất nào cũng có thể triển khai ngay những công nghệ hiện đại. Điều cần thiết là lựa chọn giải pháp vừa sức, có hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế; đồng thời từng bước hình thành thói quen làm việc dựa trên dữ liệu, thay vì chỉ dựa vào cảm tính.

Chuyển đổi số bắt đầu từ mỗi người

Nếu bà Hòa cần được hướng dẫn để tự tin sử dụng dịch vụ số, anh Minh cần công cụ và kiến thức để mở rộng thị trường, thì các cơ quan nhà nước cũng đứng trước yêu cầu đổi mới cách phục vụ người dân. Một thủ tục được thực hiện trực tuyến chỉ thực sự thuận tiện khi quy trình đơn giản, dữ liệu được kết nối, thông tin dễ hiểu và người dân nhận được sự hỗ trợ khi cần thiết.

Bởi vậy, chuyển đổi số không thể chỉ được đo bằng số lượng ứng dụng được đưa vào sử dụng hay số hồ sơ được xử lý trên môi trường mạng. Giá trị sâu xa hơn nằm ở thời gian được tiết kiệm, chi phí được giảm bớt, cơ hội được mở rộng và chất lượng phục vụ được nâng lên. Công nghệ càng hiện đại càng cần đi cùng khả năng tiếp cận, an toàn thông tin và sự tin tưởng của người sử dụng.

Với Hưng Yên, lan tỏa tinh thần chuyển đổi số vì thế không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn. Đó còn là quá trình cùng nhau học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và tạo điều kiện để mỗi người dân, mỗi hộ kinh doanh, mỗi doanh nghiệp có thể tham gia vào đời sống số theo cách phù hợp nhất với mình.

Chiều hôm ấy, bà Hòa lại cầm điện thoại. Lần này, bà chủ động mở ứng dụng để kiểm tra giao dịch vừa thực hiện. Không còn phải gọi con gái hỏi từng bước, bà mỉm cười khi nhìn thấy thông tin hiện lên rõ ràng trên màn hình.

Có thể, bà chưa hiểu hết những khái niệm về dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo hay nền tảng số. Nhưng bà đã biết cách sử dụng một công cụ mới để giải quyết công việc của mình. Và đó chính là một khởi đầu có ý nghĩa.

Chuyển đổi số không nhất thiết phải bắt đầu bằng những điều lớn lao. Đôi khi, nó bắt đầu từ một lần bấm nút đúng, một thủ tục được hoàn thành thuận tiện hơn, một sản phẩm tìm được khách hàng mới. Khi những thay đổi nhỏ ấy được nhân lên trong mỗi gia đình, mỗi thôn xóm và mỗi cơ quan, công nghệ sẽ không còn là câu chuyện xa xôi. Nó trở thành một phần của cuộc sống, mở thêm những cánh cửa cơ hội và góp sức đưa Hưng Yên tiến bước vững vàng trong kỷ nguyên số.

TRÂN TRỌNG MỜI CỘNG TÁC VIẾT BÀI

Thư mời CỘNG TÁC

ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HƯNG YÊN NĂM 2026

Kính gửi các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức và bạn đọc quan tâm đến lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trong dòng chảy mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng cuộc sống.

Nhằm lan tỏa những thành tựu, mô hình tiêu biểu, kinh nghiệm thực tiễn và các góc nhìn chuyên sâu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên trân trọng mời các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, nhà khoa học, chuyên gia và cộng tác viên tham gia viết bài cho:

ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HƯNG YÊN NĂM 2026

CHỦ ĐỀ:

Số 03: "ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI"

Số 04: "KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ HƯNG YÊN NĂM 2026 - DẤU ẤN VÀ TRIỂN VỌNG"

Nội dung khuyến khích:

- Mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, chuyển đổi số trong nông nghiệp;
- Nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao, chất lượng tốt.
- Phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Mô hình, sáng kiến, giải pháp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tiêu biểu;
- Kết quả nổi bật trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và ứng dụng thực tiễn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;
- Định hướng, cơ hội và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thời gian tới.

Thể lệ bài viết

- Dung lượng từ 1.000 - 2.500 từ;
- Nội dung chính xác, có tính thực tiễn, giá trị tham khảo và khả năng lan tỏa;
- Khuyến khích gửi kèm ảnh chất lượng cao, biểu đồ, infographic hoặc số liệu minh họa;
- Bài viết chưa đăng tải trên các ấn phẩm khác.

Thời gian nhận bài:

Đặc san số 03: Trước ngày 15/11/2026 Đặc san số 04: Trước ngày 05/12/2026

Thông tin gửi bài

Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số - Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên.

Địa chỉ: Số 13 đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.

Email: trungtamdmst.hy@gmail.com Điện thoại: 0987.010.282 (Đ/c Lê Thị Ngọc Hiền)

Sự đồng hành của Quý cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà khoa học và cộng tác viên sẽ góp phần làm phong phú nội dung Đặc san, lan tỏa mạnh mẽ những giá trị của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sự phát triển của tỉnh Hưng Yên.

Trân trọng cảm ơn và mong nhận được sự cộng tác của Quý vị!

BAN BIÊN TẬP

ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HƯNG YÊN

TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Địa chỉ: Cơ sở 1: Số 13 đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
Cơ sở 2: Số 36A đường Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên

HÌNH ẢNH

CÁC HỘI NGHỊ VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TẬP HUẤN ỨNG DỤNG AI CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

